TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v báo cáo tình hình vận hành
lưới điện truyền tải tháng 09 năm 2026

Kính gửi:

- Cục Điện lực - Bộ Công Thương;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc "Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng", Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 09 năm 2026 tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- EVN (để báo cáo);
- HĐTV (để báo cáo);
- Q. TGĐ (để báo cáo);
- Các ban: KH, ĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Việt Tiến

1NPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04 1NPT\TRANTHEKHANH

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 09/2026

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 09/2026, lưới điện truyền tải cơ bản vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 10 sự cố (04 sự cố lưới 500kV, 06 sự cố lưới điện 220kV), giảm 09 sự cố so với tháng 08/2026. Trong đó 08 sự cố có nguyên nhân do sét, 01 sự cố do hành lang, 01 sự cố do thiết bị nhất thứ.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 09/2026, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến tần số hệ thống.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 09/2026 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm bảo vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao như sau:

- Lưới điện 500kV xuất hiện điện áp cao tại 18 trạm biến áp (TBA), tăng 03 TBA so với tháng 08/2026 (15 TBA): (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại 9 TBA 500kV Lào Cai, Vĩnh Yên, Hiệp Hòa, Đông Anh, Thường Tín, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Vũng Áng; điện áp cao nhất 536,1 kV tại TBA 500kV Thanh Hóa lúc 06h00’ ngày 02/9/2026, TBA 500kV Thanh Hóa có thời gian điện áp cao lớn nhất (238 giờ, giảm so với 476 giờ của tháng 08/2026); (ii) khu vực miền Trung điện áp vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại 9 TBA 500kV Phú Lâm, Nhà Bè, Đức Hòa, Mỹ Tho, Ô Môn, Phú Mỹ, Long Phú, Cầu Bông, Chơn Thành; điện áp cao nhất 528,5 kV tại TBA 500kV Phú Lâm lúc 07h00’ ngày 02/9/2026; TBA 500kV Long Phú xuất hiện điện áp cao 48 giờ (tháng 08/2026: 31 giờ).

- Lưới điện 220kV xuất hiện điện áp cao tại 10 TBA, tăng 06 TBA so với tháng 08/2026, trong đó: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại thanh cái 220kV TBA 500kV Vĩnh Yên, Lào Cai và TBA 220kV Phủ Lý, điện áp cao nhất 246,3 kV lúc 16h00’ ngày 26/9/2026 tại TBA 220kV Phủ Lý; (ii) khu vực miền Trung, điện áp vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại thanh cái 220kV TBA 500kV Long Phú và các TBA 220kV Kiên Bình, Rạch Giá, Cà Mau, Sóc Trăng, Cần Thơ 2, Thốt Nốt (chủ yếu vào ngày 13/9 và 28-29/9/2026), điện áp cao nhất 244,6 kV lúc 03h00’ ngày 28/9/2026 tại TBA 220kV Kiên Bình.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp:

(i) Dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3 (hiện đã hoàn thành đóng điện 7/9 kháng của dự án), tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đầu năm 2027.

(ii) Dự án lắp 900MVAr tụ bù ngang lưới điện miền Bắc, đã đóng điện 15/18 giàn tụ bù tương đương 750/900 MVAr trước 30/4/2026. Hiện tại 2 giàn tụ bù TBA 220kV Sầm Sơn, Hải Hậu chưa hoàn thành do cần đồng bộ tiến độ dự án TBA; giàn tụ bù TBA 220kV Yên Thủy đã lắp đặt xong đủ điều kiện đóng điện, đơn vị điều độ chưa bố trí phương thức đóng điện do dao động điện áp cao.

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 09/2026 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 9	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	31	221.00	776	28.5
2	PTC1	32	192.00	776	24.7
3	PTC2	19	188.00	776	24.2
4	PTC3	1	98.00	776	12.6
5	PTC4	45	321.00	776	41.4
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	0.00	1.34	13.12	10.2
2	PTC1	0.00	0.55	13.12	4.2
3	PTC2	0.00	0.00	13.12	0.0
4	PTC3	0.00	3.37	13.12	25.7
5	PTC4	0.00	2.22	13.12	16.9
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.04	0.31	0.88	35.2
2	PTC1	0.01	0.16	0.88	18.2
3	PTC2	0.08	0.56	0.88	63.6
4	PTC3	0.01	0.25	0.88	28.4
5	PTC4	0.06	0.46	0.88	52.3

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 9/2026 là 2,47% (0,607 tỷ kWh) giảm 0,67% so với cùng kỳ 2025 (3,14%), cao hơn 0,07% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,14% (0,273 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 44,9%) giảm 0,41% so với cùng kỳ 2025 (2,55%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,18% (0,334 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 55,1%) giảm 0,29% so với cùng kỳ 2025 (1,47%).

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện là 2,44% (5,360 tỷ kWh) giảm 0,21% so với cùng kỳ 2025 (2,65%), cao hơn 0,04% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,17% (2,482 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 46,3%) giảm 0,11% so với cùng kỳ 2025 (2,28%), tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,18% (2,878 tỷ kWh chiếm tỷ trọng 53,7%) giảm 0,10% so với cùng kỳ 2025 (1,28%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mang tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạch ĐD/MBA	Khu vực	Số mạch ĐD, số MBA/thời gian đầy, quá tải (số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	41	Miền Bắc	2/8.3	0/0.0	0/0.0	2/8.3
		40	Miền Trung	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		46	Miền Nam	2/6.0	0/0.0	0/0.0	2/6.0
	MBA	35	Miền Bắc	4/13.0	0/0.0	0/0.0	4/13.0
		20	Miền Trung	2/4.1	0/0.0	0/0.0	2/4.1
		26	Miền Nam	2/8.3	0/0.0	0/0.0	2/8.3
220kV	Đường dây	223	Miền Bắc	10/110.8	1/2.0	0/0.0	10/112.8
		154	Miền Trung	7/71.2	0/0.0	0/0.0	7/71.2
		184	Miền Nam	12/42.0	1/1.0	0/0.0	12/43.0
	MBA	169	Miền Bắc	21/485.0	1/1.0	0/0.0	21/486.0
		78	Miền Trung	3/8.0	0/0.0	0/0.0	3/8.0
		131	Miền Nam	19/168.0	5/13.0	0/0.0	19/181.0

a) Khu vực miền Bắc

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây:

- 02/41 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 563, 573 T500 Nghi Sơn - 580, 581 T500 Hà Tĩnh; 570 T500 Sơn La - 573 TĐ Lai Châu.

Máy biến áp:

- 04/35 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): AT2 Hiệp Hòa; AT2, AT5 Phố Nối; AT1 Thường Tín do phụ tải tăng cao.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây:

- 10/223 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 271 NĐ Thái Bình 2 - 274 Trực Ninh; 272 NĐ Thái Bình 2 - 273 Trực Ninh; 271, 272 Nam Định - 272 Trực Ninh; 271, 273 TĐ Hủa Na - 272 Bỉm Sơn; 272 T500 Thanh Hóa - 273 Ba Chè; 274 T500 Thanh Hóa - 274 Nông Cống; 276 T500 Nho Quan - 272 Ba Chè; 272 Yên Bái - 274 Lào Cai; 273 Chèm - 271 Tây Hồ; 273 T500 Quảng Ninh - 272 Hoành Bồ.

- 01/223 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 274 T500 Thanh Hóa - 274 Nông Cống (02 lần/02 giờ).

Máy biến áp

- 21/169 MBA vận hành mang tải cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT3 Bắc Ninh 3; AT1, AT2 Bắc Ninh; AT1 Đồng Hòa; AT5 Hà Đông; AT1, AT2 Ninh Bình; AT2 Phố Nối; AT2 Phủ Lý; AT1, AT2 Quang Châu; AT1 Thái Bình; AT1 Thanh Nghị; AT1, AT2 Vật Cách; AT3, AT4 Hiệp Hòa; AT4 Thường Tín; AT5 Vĩnh Yên do phụ tải cao.

- 01/169 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT1 Quang Châu (01 lần/01 giờ).

b) Khu vực miền Trung:

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 02/20 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100% định mức): AT2 Thạnh Mỹ; AT1 Pleiku.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 07/154 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 gồm 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh; 274 Đăk Ooc - 271 Thạnh Mỹ 500; (ii) lưới PTC3 gồm các ĐD do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 271 Srêpốk 4 - 275 Krông Búk; 271 NMĐG Đắk Hòa - 273 Đắk Nông; 272 Đức Trọng - 276 Di Linh; 276 Pleiku 2 - 272 Chư Sê.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 03/78 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT1 Kon Tum; AT1 Quảng Ngãi; AT2 Chư Sê.

c) Khu vực miền Nam:

- *Lưới điện 500kV*

Đường dây

- 02/46 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 571, 572 Đắk Nông - 574 Cầu Bông; 572 Tân Định - 575 Cầu Bông.

Máy biến áp

- 02/26 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Duyên Hải; AT2 Ô Môn (do cắt khí PM3).

INPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04 INPT\TRANTHEKHANH

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 12/184 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bến Lức (276) - Đức Hòa (276); Chơn Thành - Bình Long 2 mạch; Chơn Thành - Bến Cát 2 mạch; Dầu Tiếng (273) - Tây Ninh (273); Định Quán (271) - Sông Mây (274); Mỹ Tho 2 (274) - Mỹ Tho 500 (275); Mỹ Tho 500 (272) - Cai Lậy (273); Rạch Giá (272) - Ô Môn 2 (279, 259); NMĐ Đá Bạc (271) - Châu Đức (274); Thuận An (275) - Hóc Môn (272) do NMĐ phát cao và phụ tải tăng cao.

- 01/184 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Bến Lức (276) - Đức Hòa (276) (01 lần/01 giờ).

Máy biến áp

- 19/131 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 An Phước; AT1, AT2 Bến Cát; AT1 Bình Chánh; AT2 Giá Rai; AT3 Hóc Môn; AT1 Long Bình; AT2 Long Thành; AT1, AT3 Tân Thành; AT1 Tao Đàn; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT6 Cầu Bông; AT3 Đức Hòa; AT3 Sông Mây; AT3, AT4 Tân Định do phụ tải tăng cao.

- 05/131 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% - 110%) định mức: AT2 Long Thành; AT1, AT3 Tân Thành; AT1 Uyên Hưng; AT3 Tân Định.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 09/2026, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành không xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thống kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)

1	274 T500 Thanh Hóa - 274 Nông Cống	24/09/2026	104.00	1.00
2	274 T500 Thanh Hóa - 274 Nông Cống	24/09/2026	106.67	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	220kV Long Thành	AT2	14/09/26 12:00	100.56	1.00
2	220kV Tân Thành	AT1	25/09/26 7:00	105.27	1.00
3	220kV Tân Thành	AT3	25/09/26 7:00	107.46	1.00
4	220kV Tân Thành	AT3	25/09/26 8:00	107.73	1.00
5	220kV Uyên Hưng	AT1	09/09/26 14:00	101.01	1.00
6	220kV Uyên Hưng	AT1	10/09/26 15:00	101.01	1.00
7	220kV Uyên Hưng	AT1	12/09/26 14:00	101.01	1.00
8	220kV Uyên Hưng	AT1	14/09/26 13:00	101.01	1.00
9	220kV Uyên Hưng	AT1	26/09/26 14:00	102.88	1.00
10	220kV Uyên Hưng	AT1	28/09/26 14:00	101.01	1.00
11	500kV Tân Định	AT3	05/09/26 14:00	100.55	1.00
12	500kV Tân Định	AT3	10/09/26 15:00	100.39	1.00
13	500kV Tân Định	AT3	22/09/26 15:00	103.08	1.00

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	276 Bến Lức - 276 Đức Hòa	28/09/2026	100.86	1.00

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc		Theo KH	Không theo KH
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Tách ĐD 575 Quảng Ninh - 572 Phố Nối; MC 572; 562; K502 T500PN; MC 565; 575 T500 Quảng Ninh	17/09	5.00	19/09	17.00	x	
2	Tách MBA AT1; MC 531; 561; 231 T500 Quảng Ninh	02/09	22.00	03/09	6.00	x	
3	Tách MBA AT2; MC 532; 562; 232 T500 Quảng Ninh	03/09	22.00	04/09	6.00	x	
4	Tách ĐD 574 Quảng Ninh - 583 Hiệp Hòa; MC 564; 574; K504 T500 Quảng Ninh; MC 583; 584; K503 T500 Hiệp Hòa	08/09	5.00	12/09	23.00	x	
5	Tách ĐD 585 Hiệp Hòa – 573 Quảng Ninh; MC 584; 585 T500 Hiệp Hòa; MC 573; 563; K503 T500 Quảng Ninh	13/09	5.00	14/09	17.00	x	
6	Tách MBA AT2; MC 572; MC 573; TC C22; C53 T500 Hòa Bình	15/09	7.00	18/09	7.00	x	
7	Tách TC C52 T500 Hòa Bình; ĐD 572 NMTĐ Hòa Bình MR - 572 Hòa Bình; MC 571; 572 T500 Hòa Bình	21/09	7.00	24/09	7.00	x	
8	Tách ĐD 575 TĐ Sơn La - 575 Nho Quan; MC 575; 576 KH505 T500NQ; MC K591; KH 591 T500 Sơn La	07/09	5.00	11/09	17.00	x	
9	Tách ĐD 571 NMTĐ Hòa Bình MR - 578 Nho Quan; MC 577; 578 T500 Nho Quan	14/09	5.00	15/09	17.00	x	
10	Tách MBA AT3; MC 533; 233 T500 Việt Trì	24/09	6.00	24/09	19.00	x	
11	Tách MBA AT2; MC 532; 232 T500 Việt Trì	30/09	7.00	30/09	17.00	x	
12	Tách ĐD 586 Hiệp Hòa – 574 Đông Anh; MC 585; 586; K506 T500 Hiệp Hòa; MC 573; 574 T500 Đông Anh	16/09	5.00	17/09	17.00	x	
13	Tách MBA AT1; MC 573; 574; 231 T500 Hiệp Hòa	19/09	0.01	19/09	9.00	x	
14	Tách MBA AT2; ngăn lộ 575; 576; 232 T500HH (500kV Hiệp Hòa)	26/09	0.01	26/09	9.00	x	
15	Tách MBA AT2 T500 Hiệp Hòa	27/09	0.01	27/09	9.00	x	
16	Tách MBA AT2 T500 Hiệp Hòa	28/09	0.01	28/09	9.00	x	
17	Tách ĐD 572 Hiệp Hoà - 573 T500 Vĩnh Yên; MC 573; 563 T500 Vĩnh Yên; MC 572; 573 T500 Hiệp Hòa	26/09	0.01	27/09	23.00	x	
18	Tách ĐD 571 Sơn La - 572 Lai Châu; MC 571, 572, K502, KH502 T500 Lai Châu; MC 571, 572, KH501 T500 Sơn La	19/09	7.00	19/09	13.00	x	
19	Tách ĐD 574 Lai Châu - 575 TĐ Lai châu; MC 573, 574 T500 Lai Châu	20/09	7.00	20/09	11.00	x	
20	Tách ĐD 572 Sơn La - 575 Việt Trì; MC 572, 573, K502 T500 Sơn La; MC 573, 574, K505 T500 Việt Trì	08/09	6.00	08/09	18.00	x	

21	Tách ĐD 576 Sơn La - 583 T500 Vĩnh Yên; MC 576, 577, K506 T500 Sơn La; MC 583; 563 T500 Vĩnh Yên	09/09	6.00	09/09	18.00	x	
22	Tách ĐD 573 TĐ Sơn La - 579 Sơn La; MC 579, 580 T500 Sơn La	11/09	6.00	11/09	18.00	x	
23	Tách ĐD 573 T500 Nghi Sơn - 580 Hà Tĩnh; MC 580, 581 T500 Hà Tĩnh; MC 563, 573 T500 Nghi Sơn	10/09	5.00	16/09	22.00	x	
24	Tách ĐD 582 Hà Tĩnh - 572 T500 Nghi Sơn; MC 581, 582 T500 Hà Tĩnh; MC 562, 572 T500 Nghi Sơn	20/09	5.00	26/09	22.00	x	
25	Tách MBA AT2, MC 530,532 T500 Nghi Sơn	28/09	8.00	28/09	14.00	x	
26	Tách ĐD 585 Thanh Hóa - 576 Quảng Trạch; MC 585; 565; KH595, TBD595 T500THO	18/09	6.00	18/09	18.00	x	
27	Tách ĐD 584 Thanh Hóa - 575 Quảng Trạch; MC 584; 564; KH594, TBD594 T500THO	19/09	6.00	19/09	18.00	x	
28	Tách ĐD 571 T500 Hà Tĩnh - 571 T500 Vũng Áng; MC 571, 572 T500 Hà Tĩnh; MC 561, 571 T500 Vũng Áng	11/09	8.00	12/09	18.00	x	
29	Tách ĐD 574 T500 Vũng Áng - 573 T500 Quảng Trị; MC 564, 574 T500 Vũng Áng	13/09	6.00	14/09	20.00	x	
30	Tách ĐD 575 T500 Vũng Áng - 572 T500 Quảng Trạch; MC 565, 575 T500 Vũng Áng	15/09	6.00	16/09	18.00	x	
31	Tách ĐD 585 T500 Vũng Áng - 571 T500 Quảng Trạch; MC 565, 585 T500 Vũng Áng	17/09	6.00	18/09	18.00	x	
32	Tách MBA AT1, MC 561, 531 T500 Vũng Áng; MC 531, 561 T500 Vũng Áng	21/09	7.00	22/09	18.00	x	
33	Tách ngăn 563, 583 T500 Vũng Áng - T2 NMĐ Vũng Áng 2, MC 563, 583 T500 Vũng Áng	23/09	7.00	24/09	18.00	x	
34	Tách ngăn 562, 582 T500 Vũng Áng - T1 NMĐ Vũng Áng 2, MC 562, 582 T500 Vũng Áng	25/09	7.00	26/09	18.00	x	
35	Tách ĐD 500kV 575 Phố Nối (T500PN) - 582 Thường Tín (T500TT). (Sáng cắt, chiều trả điện)	3/09	5.00	4/09	18.00	x	
36	Tách ĐD 500kV 572 Đông Anh (T500ĐA) - 574 Phố Nối (T500PN); MC 571, 572 T500 Đông Anh, TC C52 T500 Đông Anh. (Sáng cắt, chiều trả điện)	06/09	5.00	09/09	18.00	x	
37	Tách ĐD 500kV 585,586 Hiệp Hòa (T500HH) - 573,574 Đông Anh (T500ĐA); MC 585, 586 T500HH, MC 573,574 T500ĐA (Sáng cắt, chiều trả điện)	19/09	5.00	20/09	18.00	x	
38	Tách MBA AT1, MC 571, 574, 231 T500 Đông Anh	06/09	7.00	06/09	22.00	x	

39	Tách ĐD 581, 582 Nho Quan - 573 Thường Tín	22/09	4.00	25/09	18.00	x	
40	Tách ĐD 271 E15.40 (Tương Dương) - 275 E15.10 (Đô Lương) và MC 275 E15.10	03/09	5.00	04/09	18.00	x	
41	Tách ĐD 272 E15.40 (Tương Dương) - 276 E15.10 (Đô Lương) và MC 276 E15.10	05/09	5.00	06/09	18.00	x	
42	Tách ĐD 274 E15.30 (220kV Nghi Sơn) - 272 E15.50 Nam Cấm	05/09	5.00	05/09	22.00	x	
43	Tách MBA T1, MC 131, 331, 431 E15.1 Hưng Đông	05/09	6.00	05/09	18.00	x	
44	Tách ĐD 271 E15.1 Hưng Đông - 271 E15.50 Nam Cấm và MC 271 E15.1	19/09	6.00	19/09	18.00	x	
45	Tách ĐD 178 E15.1 Hưng Đông - 172 E15.58 Nghi Lộc và MC 178 Hưng Đông, tách lần lượt C11, C12 E15.1	11/09	7.00	11/09	18.00	x	
46	Tách MBA AT1, MC231, 131 E15.50 Nam Cấm	11/09	7.00	11/09	18.00	x	
47	Tách ĐD 274 E15.30 Quỳnh Lưu - 275 E15.50 Nam Cấm	12/09	5.00	12/09	22.00	x	
48	Tách MBA AT4, MC234, 134 E15.1 Hưng Đông	12/09	6.00	12/09	22.00	x	
49	Tách ĐD 276 E15.1 Hưng Đông - 276 E15.50 Nam Cấm và MC 276 E15.1	13/09	5.00	13/09	22.00	x	
50	Tách MBA AT2, MC 232, 132, 432 E15.50 Nam Cấm	13/09	7.00	13/09	16.00	x	
51	Tách ĐD 171 E15.40 Tương Dương - 173 A15.38 Xoỏng Con và MC 171, TC C19 E15.40	16/09	7.00	16/09	9.00	x	
52	Tách ĐD 172 E15.40 Tương Dương - 171 A15.46 Khe Thơi và MC 172, TC C19 E15.40	16/09	14.00	16/09	16.00	x	
53	Tách MBA AT2, MC232, 132, TC C29, TC C19 E15.40 Tương Dương	18/09	6.00	18/09	23.00	x	
54	Tách ĐD 272 Nậm Sum - 275 Nông Cống	23/09	5.00	24/09	18.00	x	
55	Tách ĐD 271 Nậm Sum - 276 Nông Cống	29/09	5.00	30/09	18.00	x	
56	Tách ĐD 173 E9.20 Bỉm Sơn - 171 E9.53 LOP COFO	08/09	6.00	08/09	16.00	x	
57	Tách ĐD 171 E9.10 220kV Nghi Sơn - 171 E15.44 XM Tân Thắng, MC 171 E9.10	04/09	8.00	04/09	14.00	x	
58	Tách ĐD 172 E9.10 220kV Nghi Sơn - 172 E15.49 (KCN Hoàng Mai 1), MC 172 E9.10	05/09	8.00	05/09	14.00	x	
59	Tách ĐD 173 E9.10 220kV Nghi Sơn) - 171 E9.8 (T110 Nông Cống), MC 173 E9.10	06/09	8.00	06/09	14.00	x	
60	Tách ĐD 174 E9.10 220kV Nghi Sơn - 175 E9.50 Nông Cống, MC 174 E9.10	07/09	8.00	07/09	14.00	x	
61	Tách MBA AT1, MC 131, C12 E9.2 Ba Chè	04/09	22.00	05/09	4.00	x	
62	Tách ĐD 173 E9.2 Ba Chè -175 E9.1 (T110 Núi Một)	14/09	8.00	14/09	16.00	x	

63	Tách ĐD 176 E9.2 Ba Chè -171 E9.27 (T110 Tây Thành phố), MC 176 E9.2	15/09	8.00	15/09	16.00	x	
64	Tách ĐD 178 E9.2 Ba Chè - 172 E9.19 (T110 Cổ Đinh)	16/09	8.00	16/09	16.00	x	
65	Tách ĐD 177 E9.50 Nông Cống - 171 E9.29 (T110 Quảng Xương), MC 177 E9.50	17/09	8.00	17/09	16.00	x	
66	Tách ĐD 176 E9.50 Nông Cống - 172 E9.8 (T110 Nông Cống), MC 176 E9.50	18/09	8.00	18/09	16.00	x	
67	Tách ĐD 175 E9.50 Nông Cống - 174 E9.10 (220kV Nghi Sơn), MC 175 E9.50	21/09	8.00	21/09	16.00	x	
68	Tách ĐD 271 E9.50 Nông Cống - 271 E9.10 (220kV Nghi Sơn), MC 271 E9.50	22/09	8.00	22/09	16.00	x	
69	Tách ĐD 272E9.50 Nông Cống - 272 E9.10 (220kV Nghi Sơn), MC 272 E9.50	23/09	8.00	23/09	16.00	x	
70	Tách ĐD 273 E9.50 (220kV Nông Cống) - 273 T500THO (500kV Thanh Hóa), MC 273 E9.50, MC 273 T500THO	24/09	8.00	24/09	16.00	x	
71	Tách ĐD 271 T500 Hà Tĩnh - 271 Vũng Áng (A18.10)	04/09	6.00	04/09	20.00	x	
72	Tách ĐD 278 T500 Hà Tĩnh - 272 Vũng Áng (A18.10)	05/09	6.00	06/09	18.00	x	
73	Tách ĐD 275 T500 Hà Tĩnh - 275 Hưng Đông (E15.1), C29 T500 Hà Tĩnh	10/09	6.00	10/09	20.00	x	
74	Tách ĐD 273 NMĐ Vũng Áng 1 (A18.10) - 271, 272 Đồng Hới	20/09	6.00	20/09	18.00	x	
75	Tách ĐD 274 NMĐ Vũng Áng 1 (A18.10) - 272 NMĐ Formosa (A18.15)	21/09	6.00	21/09	18.00	x	
76	Tách ĐD 272 Vũng Áng (E18.35) - 275 NMĐVA1 (A18.10), MC 271, 272 T220 Vũng Áng (18.35)	25/09	6.00	25/09	19.00	x	
77	Tách MBA AT1 T220 Vũng Áng (18.35), TC C21, MC 271, 273, 131, 431 T220 Vũng Áng (18.35)	26/09	6.00	26/09	19.00	x	
78	Tách ĐD 220kV 273 Đông Anh (T500ĐA) - 273 Long Biên (E1.45); MC 273 T500ĐA	06/09	5.00	07/09	18.00	x	
79	Tách ĐD 220kV 274 Đông Anh (T500ĐA) - 274 Long Biên (E1.45); MC 274 T500ĐA	06/09	5.00	08/09	8.00	x	
80	Tách ĐD 273 Bắc Ninh 2 (E27.10) – 272 T500 Phố Nối (T500PN); MC 273 E27.10 (Sáng cắt, chiều trả điện)	08/09	5.00	09/09	18.00	x	
81	Tách ĐD 274 Bắc Ninh 2 (E27.10) – 271 T500 Phố Nối (T500PN); MC 274 E27.10 (Sáng cắt, chiều trả điện)	08/09	5.00	09/09	18.00	x	
82	Tách ĐD 274 Vân Trì (E1.23) - 277 Sóc Sơn (E1.19); MC 274 E1.23 (Sáng cắt, chiều trả điện)	24/09	5.00	25/09	18.00	x	

83	Tách ĐD 274 E1.6 (220kV Chèm) - 272 E1.23 (220kV Vân Trì), MC 272 E1.23	10/09	6.00	12/09	16.00	x	
84	Tách ĐD 277 Hiệp Hòa (T500HH) – 271 Đông Anh (T500ĐA); MC 271 T500ĐA (Sáng cắt, chiều trả điện)	19/09	5.00	19/09	18.00	x	
85	Tách ĐD 272 Đông Anh (T500 ĐA) – 271 Bắc Ninh 3 (E27.15); MC 272 T500 ĐA; MC 271 E27.15 (Sáng cắt, chiều trả điện)	19/09	5.00	19/09	18.00	x	
86	Tách TC C12; MBA AT4, 234, 134, 434 T500 Thường Tín.	16/09	22.00	17/09	8.00	x	
87	Tách ĐD 173 T500 Thường Tín - 174 E10.4 (Tía), MC173 T500TT	8/9	8.00	8/9	18.00	x	
88	Tách MBA AT3, 233, 133 T500 Thường Tín.	10/9	22.00	11/9	8.00	x	
89	Tách ĐD 173 T500 Đông Anh - 172 E27.11 Châu Khê 2, MC 173 T500ĐA.	09/09	7.00	09/09	23.00	x	
90	Tách ĐD 176 T500 Đông Anh - 171 E1.78 Sóc Sơn 2, MC 176 T500ĐA	14/09	7.00	14/09	18.00	x	
91	Tách ĐD 174 T500 Đông Anh - 171 E27.3 Châu Khê, MC 174 T500ĐA	25/09	7.00	25/09	18.00	x	
92	Tách ĐD 175 T500 Đông Anh - 183 E1.1 Đông Anh, MC 175 T500ĐA	26/09	7.00	26/09	18.00	x	
93	Tách ĐD 171 E1.11 (220kV Thành Công) - 171 E1.14 Giám, MC 171 E1.11	23/09	8.00	23/09	18.00	x	
94	Tách ĐD 172 E1.11 (220kV Thành Công) - 172 E1.14 Giám, MC 172 E1.11	25/09	8.00	25/09	18.00	x	
95	Tách ĐD 173 E1.11 (220kV Thành Công) - 171 E1.63 Bắc Thành Công, MC 173 E1.11	09/09	8.00	09/09	18.00	x	
96	Tách ĐD 174 E1.11 (220kV Thành Công) - 174 E1.65 Thanh Xuân, MC 174 E1.11	11/09	8.00	11/09	18.00	x	
97	Tách ĐD 175 E1.11 (220kV Thành Công) - 172 E1.13 Phương Liệt, MC 175 E1.11	13/09	8.00	13/09	18.00	x	
98	Tách ĐD 176 E1.11 (220kV Thành Công) - 173 E1.13 Phương Liệt, MC 176 E1.11	16/09	8.00	16/09	18.00	x	
99	Tách ĐD 177 E1.11 (220kV Thành Công) - 176 E1.5 Thượng Đình, MC 177 E1.11	18/09	8.00	18/09	18.00	x	
100	Tách ĐD 178 E1.11 (220kV Thành Công) - 171 E1.5 Thượng Đình, MC 178 E1.11	21/09	8.00	21/09	18.00	x	
101	Tách ĐD 171 (E1.45) Long Biên - 172 Mai Lâm (E1.41); MC 171 E1.45	15/09	8.00	15/09	17.00	x	
102	Tách ĐD 172 (E1.45) Long Biên - 171 Gia Lâm (E1.2); MC 171 E1.45	20/09	8.00	20/09	17.00	x	
103	Tách ĐD 176 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.29 (T110 Đại Kim), MC 176 E27.6	03/09	6.00	03/09	16.00	x	
104	Tách ĐD 177 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	23/09	6.00	23/09	16.00	x	

	- 171 E27.23 (T110 Nam Sơn) và MC 177 E27.6						
105	Tách ĐD 178 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 172 E27.28 (T110 Tân Chi) - 171 E27.23 (T110 Thuận Thành 6) và MC 178 E27.6	13/09	6.00	13/09	16.00	x	
106	Tách MBA AT2, TC C22, MC 272, 274, 132, 432 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	20/09	6.00	20/09	16.00	x	
107	Tách MBA AT1, TC C21, MC 271, 273, 131, 431 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	27/9	6.00	27/9	16.00	x	
108	Tách ĐD 172 E27.15 - 172 E7.4 Võ Cường, và MC 172 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	07/09	7.00	09/9	22.00	x	
109	Tách ĐD 173 E27.15 - 172 E27.7 Yên Phong, và MC 173 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	12/09	22.00	14/09	6.00	x	
110	Tách ĐD 171 E27.15 - 171 E27.16 Yên Phong 5, và MC 171 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	15/09	7.00	17/09	22.00	x	
111	Tách ĐD 174 E27.15 ÷ 172 E27.16 Yên Phong 5, MC 174 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3)	19/09	22.00	21/09	6.00	x	
112	Tách ĐD 271 E1.23 (220kV Vân Trì) - 272 E1.40 (220kV Tây Hồ), MC 271 E1.23	07/09	6.00	09/09	16.00	x	
113	Tách MBA AT1, MC231, MC 131 E1.23 Vân Trì	14/09	6.00	16/09	16.00	x	
114	Tách ĐD 273 E1.23 (Vân Trì) - 276 E1.19 (Sóc Sơn), MC 273 E1.23	18/09	6.00	18/09	18.00	x	
115	Tách ĐD 173 E1.23 (Vân Trì) - 172 E1.36 (Quang Minh), MC 173 E1.23, TC C19 E1.23	19/09	6.00	19/09	18.00	x	
116	Tách ĐD 174 E1.23 (Vân Trì) - 184 E1.1 (Đông Anh), MC 174 E1.23, TC C19 E1.23	20/09	6.00	20/09	18.00	x	
117	Tách ĐD 175 E1.23 (Vân Trì) - 173 E1.1 (Đông Anh), MC 175 E1.23, TC C19 E1.23	21/09	6.00	21/09	18.00	x	
118	Tách ĐD 176 E1.23 (Vân Trì) - 172 E1.42 (SB Nội Bài), MC 176 E1.23, TC C19 E1.23	22/09	6.00	22/09	18.00	x	
119	Tách ĐD 174 E1.6 -172 E1.46 Từ Liêm, MC 174 E1.6	03/09	22.00	04/09	6.00	x	
120	Tách MC 176 E1.6 220kV Chèm, ĐD 176 E1.6 Chèm - 172 E1.40 Tây Hồ	22/09	22.00	23/09	6.00	x	
121	Tách MBA AT2, MC 232, MC 132 E1.6 (220kV Chèm)	05/09	22.00	06/09	17.00	x	
122	Tách MC 180 E1.6 (220kV Chèm), ĐD 180 E1.6 Chèm - 172 E1.27 KDT Nam Thăng Long	07/09	22.00	08/09	6.00	x	
123	Tách MC 171 E1.6 (220kV Chèm), ĐD 171 E1.6 - 171 E1.25 Mỹ Đình	12/09	22.00	13/09	6.00	x	
124	Tách MC 172, ĐD 172 E1.6 - 172 E1.33 Cầu Diễn	22/09	22.00	23/09	6.00	x	

INPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04 INPT\TRANTHEKHANH

125	Tách ĐD 183 E1.3 (220kV Mai Động) - 171 E1.77 Lĩnh Nam, MC 183 E1.3	04/09	22.00	07/09	7.00	x	
126	Tách ĐD 182 E1.3 (220kV Mai Động) - 172 E1.77 Lĩnh Nam, MC 182 E1.3	26/09	22.00	29/09	7.00	x	
127	Tách ĐD 181 E1.3 (220kV Mai Động) - 172 E1.57 Minh Khai, MC 181 E1.3	10/09	22.00	13/09	7.00	x	
128	Tách ĐD 180 E1.3 (220kV Mai Động) - 171 E1.57 Minh Khai, MC 180 E1.3	13/09	22.00	16/09	7.00	x	
129	Tách MC 172, ĐD 172 E1.4 (220kV Hà Đông) - 172 E1.76 Đại Kim, TC C11 E1.4	04/09	22.00	05/09	17.00	x	
130	Tách MC 175, ĐD 175 E1.4 (220kV Hà Đông) - 171 E1.20 Thanh Xuân, TC C19 E1.4	18/09	8.00	18/09	21.00	x	
131	Tách MBA T1, MC131, MC331, MC431 E1.4 (220kV Hà Đông), TC C19	27/09	22.00	29/09	7.00	x	
132	Tách MC 278, ĐD 278 E1.4 (220kV Hà Đông) - 275 A100 Hòa Bình, C29 E1.4	25/09	8.00	25/09	22.00	x	
133	Tách MC, ĐD 180 E1.4 (220kV Hà Đông) - 172 E1.74 Thạch Thất 2	16/09	22.00	19/09	7.00	x	
134	Tách ĐD 177 E1.3 (220kV Mai Động) - 171 E1.52 CV Thống Nhất, MC 177 E1.3	20/09	22.00	23/09	7.00	x	
135	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133, MC 933 trạm 500kV Nho Quan	24/09	22.00	25/09	16.00	x	
136	Tách MC171, ĐD 171, Nam Định (E3.7) - 171 Vũ Thư (E11,5)	09/09	7.00	09/09	16.00	x	
137	Tách MC172, ĐD 172 Nam Định (E3.7) - 172 Nam Điền (E3.21)	10/09	7.00	10/09	16.00	x	
138	Tách MBA AT1, MC 131, 431, 271, 273, C21 E3.7 Nam Định	25/09	7.00	25/09	18.00	x	
139	Tách MC171, ĐD 171 Trực Ninh (E3.20) - 172 Trực Ninh (E3.16)	10/09	8.00	10/09	16.00	x	
140	Tách MC172, ĐD 172 Trực Ninh (E3.20) - 171 Lạc Quần (E3.8)	16/09	8.00	16/09	16.00	x	
141	Tách MC173, ĐD 173 Trực Ninh (E3.20) - 171 Giao Thanh (E3.26)	17/09	8.00	17/09	16.00	x	
142	Tách MC174, ĐD 174 Trực Ninh (E3.20) - 172 Hải Hậu (E3.11)	18/09	8.00	18/09	16.00	x	
143	Tách ĐD 275 E11.1 (Thái Bình) - 272, 252 A11.1 (Nhiệt điện Thái Bình 1), MC 275 E11.1	03/09	6.00	06/09	6.00	x	
144	Tách ĐD 274 E11.1 (Thái Bình) - 271, 251 A11.1 (Nhiệt điện Thái Bình 1); MC 274 E11.1	20/09	6.00	23/09	6.00	x	
145	Tách ĐD 173 E11.1 (Thái Bình) - 171 E11.4 (Hưng Hà); MC 173 E11.1	28/09	6.00	29/09	6.00	x	
146	Tách ĐD 175 E11.1 (Thái Bình) - 171 E11.21 (Sông Trà); MC 175 E11.1	29/09	6.00	30/09	6.00	x	
147	Tách MC 172, ĐD172 Thái Thụy (E11.15) - 172 Tiền Hải (E11.9)	08/09	8.00	08/09	16.00	x	
148	Tách MC 173, ĐD 173 Thái Thụy (E11.15) - 171 AMON NITRAT (E11.12)	09/09	8.00	09/09	16.00	x	

149	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	06/09	0.00	06/09	8.00	x	
150	Tách ĐD 172 Ninh Bình (E23.1) - 171 Yên Thắng (E3. 22)	10/09	8.00	10/09	17.00	x	
151	Tách MBA AT1, 231, 131 E23.1 (220kV Ninh Bình)	11/09	0.0	11/09	6.0	x	
152	Tách MBA AT1, MC231, MC131, MC431 E24.4 (220kV Phủ Lý)	01/09	23.00	02/09	23.00	x	
153	Tách MC 172 E24.4, ĐD 172 E24.4 (Phủ Lý) - 171 E24.14 (Đồng Văn 4) Tách MC 177 E24.4, ĐD 177 E24.4 (Phủ Lý) - 173 E24.3 (Đồng Văn)	02/09	6.00	02/09	18.00	x	
154	Tách MBA AT2, MC232, MC132 E24.4 (220kV Phủ Lý)	19/09	23.00	20/09	23.00	x	
155	Tách ĐD 273 Mai Động - 274 TBA 500kV Thường Tín, MC 273 E1.3	11/09	23.00	13/09	23.00	x	
156	Tách ĐD 274 Mai Động - 273 TBA 500kV Thường Tín, MC 274 E1.3	18/09	23.00	20/09	23.00	x	
157	Tách ĐD 172 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 171 E27.4 (Bình Định); MC 172 E27.6	28/09	7.00	30/09	7.00	x	
158	Tách ĐD 273 T500 Nho Quan - 272 E23.1 (220kV Ninh Bình), MC 273 T500NQ, 272 E23.1	07/09	7.00	07/09	17.00	x	
159	Tách ĐD 274 T500 Nho Quan - 271 E23.1 (220kV Ninh Bình), MC 274 T500NQ, 271 E23.1	14/09	7.00	14/09	17.00	x	
	Tách ĐD 275 T500 Nho Quan - 273 E24.4 (220kV Phủ Lý), MC 275 T500NQ, 273 E24.4	15/09	7.00	15/09	17.00	x	
160	Tách ĐD 276 T500 Nho Quan - 272 E9.2 (220kV Ba Chè), MC 276 T500NQ, 272 E9.2	18/09	7.00	18/09	17.00	x	
161	Tách ĐD 271 T500NQ - 271 (274) A9.33 Thành Sơn, MC271 T500NQ, 271, 274 A9.33	08/09	8.00	08/09	18.00	x	
162	Tách ĐD 271E15.1 (220kV Hưng Đông) - 271 E15.50 (220kV Nam Cấm) và MC 271 E15.1	19/09	6.00	19/09	18.00	x	
163	Tách MC173 E3.7; ĐD 173 Nam Định (E3.7) - 171 Nam Ninh (E3.12)	11/09	7.00	11/09	16.00	x	
164	Tách ĐD 274 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E13.10 (220kV Lạng Sơn) (Sáng tách chiều trả)	07/09	5.00	08/09	17.00	x	
165	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432 E5.30 (220kV KCN Hải Hà)	27/09	23.00	28/09	6.00	x	
166	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Quảng Ninh	13/09	22.00	14/09	6.00	x	
167	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E5.35 (220kV Yên Hưng)	10/09	23.00	11/09	6.00	x	
168	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431 E5.9 (220kV Tràng Bạch)	03/09	23.00	04/09	6.00	x	
169	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432 E5.9 (220kV Tràng Bạch)	04/09	23.00	05/09	6.00	x	
170	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431	10/09	23.00	11/09	6.00	x	

	E13.10 (220kV Lạng Sơn)						
171	Tách MBA AT2; MC 232; 132 E13.10 (220kV Lạng Sơn)	11/09	23.00	12/09	6.00	x	
172	Tách TC C29; MC 200 T500 Quảng Ninh; ĐD 272 Quảng Ninh – 271 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 2 đầu ĐD	15/09	6.00	16/09	6.00	x	
173	Tách TC C29; MC 200 T500 Quảng Ninh; ĐD 273 Quảng Ninh – 272 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 2 đầu ĐD	16/09	7.00	17/09	6.00	x	
174	Tách TC C29; MC 200 T500 Quảng Ninh; ĐD 274 Quảng Ninh – 273 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 274 T500QN	17/09	7.00	18/09	6.00	x	
175	Tách TC C29; MC 200 T500 Quảng Ninh; ĐD 275 Quảng Ninh – 272 NĐ A5.20 (NĐ Cẩm Phả); MC 275 T500QN	18/09	7.00	19/09	6.00	x	
176	Tách TC C29; MC 200 T500QN; ĐD 271 Quảng Ninh - 231-7 A50 (NĐ Quảng Ninh); MC 271 T500QN	19/09	7.00	20/09	6.00	x	
177	Tách ĐD 172 E7.20 (220kV Sơn Động) - 174 E7.27 (110kV Sơn Động); 172 E7.20	03/09	7.00	03/09	17.00	x	
178	Tách ĐD 173 T500 Quảng Ninh - 171 E5.2 (Giáp Khẩu) - 171 E5.28 (Hà Lầm) - 172 E5.10 (Hà Tu); MC 173 T500QN	21/09	8.00	21/09	12.00	x	
179	Tách ĐD 174 T500 Quảng Ninh - 172 E5.2 (Giáp Khẩu) - 172 E5.28 (Hà Lầm) - 171 E5.10 (Hà Tu); MC 174 T500QN	21/09	13.00	21/09	18.00	x	
180	Tách ĐD 176 T500 Quảng Ninh - 172 E5.13 (XM Cẩm Phả) - 172 E5.33 (Khe Chàm); MC 176 T500QN	22/09	7.00	22/09	12.00	x	
181	Tách ĐD 177 T500 Quảng Ninh - 171-7 E5.17 (XM Hạ Long) - 171 E5.14 (XM Thăng Long) - 175 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 177 T500 Quảng Ninh; MC 175 E5.8	22/09	13.00	22/09	18.00	x	
182	Tách ĐD 178 T500 Quảng Ninh - 172-7 E5.17 (XM Hạ Long) - 172 E5.14 (XM Thăng Long) - 176 E5.8 (220kV Hoành Bồ); MC 178 T500 Quảng Ninh; MC 176 E5.8	23/09	7.00	23/09	12.00	x	
183	Tách ĐD 180 T500 Quảng Ninh - 171 E5.37 (Hoành Bồ); MC 180 T500QN	23/09	13.00	23/09	18.00	x	
184	Tách ĐD 181 T500 Quảng Ninh - 172 E5.37 (Hoành Bồ); MC 181 T500QN	24/09	7.00	24/09	12.00	x	
185	Tách ĐD 172 E5.43 (KCN Việt Hưng) - 171 E5.35 (220kV Yên Hưng); MC 171 E5.35	07/09	7.00	07/09	12.00	x	
186	Tách ĐD 172 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.34 (Đông Mai); MC 172 E5.35	07/09	13.00	07/09	18.00	x	
187	Tách ĐD 173 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.36 (Amata 1); MC 173	08/09	7.00	08/09	12.00	x	

	E5.35						
188	Tách ĐD 174 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 171 E5.36 (Amata 1); MC 174 E5.35	08/09	13.00	08/09	18.00	x	
189	Tách ĐD 175 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 171 E5.21 (Chợ Rộc)	09/09	7.00	09/09	12.00	x	
190	Tách ĐD 176 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.21 (Chợ Rộc); MC 176 E5.35	09/09	13.00	09/09	18.00	x	
191	Tách ĐD 180 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 172 E5.23 (Tràng Bạch); MC 180 E5.9	06/09	7.00	06/09	18.00	x	
192	Tách ĐD 181 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 172 E8.18 (Cộng Hòa); MC 181 E5.9	07/09	7.00	07/09	18.00	x	
193	Tách ĐD 173 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 171 E5.18 (Uông Bí 2), MC 173 E5.9	09/09	7.00	09/09	12.00	x	
194	Tách ĐD 172 E2.35 (220kV Thủy Nguyên) - 174 E5.9 (220kV Tràng Bạch); MC 2 đầu ĐD	09/09	13.00	09/09	18.00	x	
195	Tách ĐD 175 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 171 E8.8 (XM Phúc Sơn); MC 175 E5.9	10/09	7.00	10/09	12.00	x	
196	Tách ĐD 176 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 172 E8.12 (Thép Hoà Phát); MC 176 E5.9	10/09	13.00	10/09	18.00	x	
197	Tách ĐD 177 E5.9 (220kV Tràng Bạch) - 171; 172 E8.17 (SIC Hải Dương) - 172 E8.2 (Hoàng Thạch); MC 177 E5.9	11/09	7.00	11/09	12.00	x	
198	Tách ĐD 171 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 172 E13.8 (Cao Lộc); MC 171 E13.10	14/09	7.00	14/09	12.00	x	
199	Tách ĐD 172 E13.10 (220kV Lạng Sơn) - 172 E13.2 (Lạng Sơn); MC 172 E13.10	14/09	13.00	14/09	18.00	x	
200	Tách ĐD 173 E13.10 (220kV Lạng Sơn) - 171 E13.2 (Lạng Sơn)	15/09	7.00	15/09	12.00	x	
201	Tách ĐD 174 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 172 A13.0 (NĐ Na Dương); MC 174 E13.10	15/09	13.00	15/09	18.00	x	
202	Tách ĐD 175 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 173 E13.6 (Đồng Đăng); MC 175 E13.10	16/09	7.00	16/09	12.00	x	
203	Tách ĐD 176 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 172 E13.6 (Đồng Đăng); MC 176 E13.10	16/09	13.00	16/09	18.00	x	
204	Tách ĐD 178 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 171 E13.11 (Bình Gia); MC 178 E13.10	17/09	7.00	17/09	12.00	x	
205	Tách ĐD 274 Nhiệt điện Mạo Khê (A5.25) - 273 Hải Dương 2 (E8.20); MC 273; TC C21 E8.20	05/09	22.00	06/09	7.00	x	
206	Tách ĐD 275 NĐ Phả Lại (A80) - 271 NĐ Mạo Khê (A5.25). (Sáng cắt chiều	21/09	6.00	22/09	17.00	x	

	trả).						
207	Tách ĐD 276 NĐ Phả Lại (A80) - 272 NĐ Mạo Khê (A5.25) (Sáng cắt chiều trả).	23/09	6.00	24/09	17.00	x	
208	Tách ĐD 276 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 282 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 276 E8.20; MC 282; 252 E8.30 (Sáng tách chiều trả)	21/09	6.00	21/09	17.00	x	
209	Tách ĐD 271 E2.9 (220kV Vật Cách) - 271 E2.1 (220kV Đồng Hoà); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	22/09	6.00	23/09	17.00	x	
210	Tách 02 ĐD 276 T500 Phố Nối - 271; 272 E28.1 (220kV Phố Nối) và ĐD 275 T500 Phố Nối – 271 E28.15 (220kV Yên Mỹ); MC 2 đầu ĐD (Sáng cắt chiều trả)	25/09	6.00	27/09	17.00	x	
211	Tách MBA AT2 E2.1 (220kV Đồng Hòa); MC 232; 132; 432 E2.1	05/09	7.00	05/09	17.00	x	
212	Tách ĐD 173 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 171 E2.14 (Kiến An); MC 173 E2.1	06/09	7.00	06/09	17.00	x	
213	Tách ĐD 174 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 171 E2.36 (Quán Trữ); MC 174 E2.1	07/09	7.00	07/09	12.00	x	
214	Tách ĐD 175 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 173 E2.2 (An Lạc); MC 175 E2.1	08/09	7.00	08/09	17.00	x	
215	Tách ĐD 176 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 174 E2.2 (An Lạc); MC 176 E2.1.	09/09	7.00	09/09	17.00	x	
216	Tách ĐD 177 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 171 E8.19 (Nguyên Giáp); MC 177 E2.1	16/09	7.00	16/09	17.00	x	
217	Tách ĐD 178 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 172 E2.44 (An Dương); MC 178 E2.1	17/09	7.00	17/09	17.00	x	
218	Tách MBA AT2 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 232; 132 E2.20	06/09	7.00	06/09	17.00	x	
219	Tách ĐD 177 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 172 E2.32 (Nam Đình Vũ); MC 177 E2.20.	30/09	7.00	30/09	17.00	x	
220	Tách ĐD 178 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 171 E2.42 (Nam Đình Vũ 2); MC 178 E2.20.	29/09	7.00	29/09	17.00	x	
221	Tách MBA T4 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 134; 434 E2.20	01/09	5.00	01/09	12.00	x	
222	Tách MBA T3 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 133; 433 E2.20	02/09	5.00	02/09	20.00	x	
223	Tách ĐD 171 E8.9 (220kV Hải Dương) - 171 E8.11 (Đại An); MC 171 E8.9	28/09	7.00	28/09	17.00	x	
224	Tách ĐD 172 E8.9 (220kV Hải Dương) - 172 E8.11 (Đại An); Tách MC 172 E8.9.	25/09	7.00	25/09	17.00	x	
225	Tách ĐD 174 E8.9 (220kV Hải Dương) - 172 E8.13 (Ngọc Sơn); MC 174 E8.9	12/09	5.00	12/09	20.00	x	
226	Tách ĐD 175 E8.9 (220kV Hải Dương) - 173 E8.26 (Tân Trường); MC 175 E8.9	24/09	7.00	24/09	17.00	x	

227	Tách ĐD 176 E8.9 (220kV Hải Dương) - 174 E8.26 (Tân Trường); MC 176 E8.9	13/09	5.00	13/09	20.00	x	
228	Tách ĐD 173 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 171 E8.22 (Kim Thành); MC 173 E8.20	23/09	5.00	23/09	10.00	x	
229	Tách ĐD 174 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 172 E8.23 (Thanh Hà); MC 174 E8.20	23/09	12.00	23/09	17.00	x	
230	Tách ĐD 171 T500 Phố Nối - 171 E28.5 (Giai Phạm); MC 171 T500 Phố Nối	27/09	7.00	27/09	17.00	x	
231	Tách ĐD 172 T500 Phố Nối - 171 E28.19 (Như Quỳnh); MC 172 T500 Phố Nối.	26/09	7.00	26/09	17.00	x	
232	Tách ĐD 180 E8.35 (220kV Gia Lộc) - 171 E8.31 (Tứ Kỳ); MC 180 E8.35	20/09	7.00	20/09	17.00	x	
233	Tách ĐD 181 E8.35 (220kV Gia Lộc) - 172 E8.31 (Tứ Kỳ); MC 181 E8.35	18/09	7.00	18/09	17.00	x	
234	Tách MBA AT3 E2.40 (220kV Dương Kinh); Tách MC 233; 133; 433 E2.40.	03/09	6.00	03/09	20.00	x	
235	Tách MBA T5 E2.40 (220kV Dương Kinh); Tách MC 135; 435 E2.40.	04/09	8.00	05/09	18.00	x	
236	Tách ĐD 175 E2.40 (220kV Dương Kinh) - 172 E2.36 (Quán Trữ); MC 175 E2.40.	10/09	8.00	10/09	16.00	x	
237	Tách ĐD 176 E2.40 (220kV Dương Kinh) - 171 E2.46 (Kiến Thụy); MC 176 E2.40.	11/09	8.00	11/09	16.00	x	
238	Tách ĐD 177 E2.40 (220kV Dương Kinh) - 171 E2.15 (Đồ Sơn); MC 177 E2.40.	12/09	8.00	12/09	16.00	x	
239	Tách ĐD 178 E2.40 (220kV Dương Kinh) - 172 E2.23 (KCN Đồ Sơn); MC 178 E2.40	13/09	8.00	13/09	16.00	x	
240	Tách ĐD 271 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 272 T500 Sơn La; MC 272 T500 Sơn La	06/09	5.00	06/9	15.00	x	
241	Tách MBA AT1 và MC 231; 131 E17.6 (220kV Sơn La)	03/09	0.00	03/9	6.00	x	
242	Tách ĐD 272 T500 Lai Châu – 272 E29.20 (220kV Mường Tè); MC 2 đầu ĐD	27/09	5.00	27/09	17.00	x	
243	Tách MBA AT1; TC C21; MC 271; 273; 131; 431 E29.5 (220kV Than Uyên).	06/09	6.00	06/09	18.00	x	
244	Tách ĐD 273 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 271 272 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 271 272 E29.5	07/09	6.00	07/09	18.00	x	
245	Tách MBA AT2; AT3; TC C22; MC 272; 274; 233; 132; 133 E29.5 (220kV Than Uyên)	08/09	6.00	08/09	18.00	x	
246	Tách ĐD 272 A29.0 (TĐ Bản Chát) - 273 E29.5 (220kV Than Uyên); MC 273; 274 E29.5	09/09	6.00	09/09	18.00	x	
247	Tách ĐD 174 E17.6 (220kV Sơn La) -	16/09	6.00	17/09	6.00	x	

	172 E17.2 (Sơn La); MC 174 E17.6						
248	Tách ĐD 176 E17.6 (220kV Sơn La) - 173 E17.2 (Sơn La); MC 176 E17.6	18/09	6.00	20/09	6.00	x	
249	Tách ĐD 273 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu	03/09	5.00	03/09	17.00	x	
250	Tách ĐD 274 E12.3 (220kV Yên Bái) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	06/09	5.00	07/09	17.00	x	
251	Tách ĐD 281 T500 Lào Cai - 272 E20.23 (220kV Bảo Thắng); MC 2 đầu ĐD. Sáng tách chiều trả	05/09	5.00	06/09	17.00	x	
252	Tách ĐD 287 T500 Lào Cai - 271 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD. Sáng tách chiều trả	11/09	5.00	12/09	17.00	x	
253	Tách ĐD 271 A14.0 (TĐ Tuyên Quang) - 273 E14.6 (220kV Tuyên Quang); 273 E14.6 (Sáng tách chiều trả)	18/09	5.00	19/09	17.00	x	
254	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD (Sáng tách chiều trả)	25/09	5.00	26/09	17.00	x	
255	Tách ĐD 276 E20.3 (220kV Lào Cai) - 274 E20.23 (220kV Bảo Thắng); MC 2 đầu ĐD. (Sáng tách chiều trả)	29/09	5.00	30/09	17.00	x	
256	Tách ĐD 277 T500 Việt Trì - 274 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); MC 2 đầu ĐD	28/09	5.00	28/09	17.00	x	
257	Tách ĐD 278 T500 Việt Trì - 273 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); MC 2 đầu ĐD	29/09	5.00	29/09	17.00	x	
258	Tách ĐD 172 E12.3 (220kV Yên Bái) - 173 A20.73 Phúc Long; MC 172 E12.3	06/09	0.00	06/09	8.00	x	
259	Tách ĐD 171 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.18 Việt Trì 2; MC 171 E4.4	06/09	0.00	06/09	8.00	x	
260	Tách ĐD 173 E4.4 (220kV Việt Trì) - 171 E4.10 Phù Ninh; MC 173 E4.4	13/09	0.00	13/09	8.00	x	
261	Tách ĐD 178 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E4.11 Trung Hà; Tách MC 178 E4.4	19/09	0.00	19/09	8.00	x	
262	Tách ĐD 171 E25.2 (220kV Vĩnh Yên) - 172 E25.1 Phúc Yên; MC 171 E25.2	16/09	0.00	16/09	8.00	x	
263	Tách ĐD 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 272 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 2 đầu	23/09	0.00	23/09	15.00	x	
264	Tách ĐD 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 273 T500 Việt Trì; MC 2 đầu	24/09	0.00	24/09	15.00	x	
265	Tách ĐD 171 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 171 E25.5 Vĩnh Tường; MC 171 E25.10	28/09	0.00	28/09	15.00	x	
266	Tách ĐD 172 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 172 E25.6 Hội Hợp; MC 172 E25.10	29/09	0.00	29/09	15.00	x	

267	Tách MBA AT2; MC 232; 132 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	30/09	0.00	30/09	15.00	x	
268	Tách 04 ĐD 271; 272 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 (267) T500 Lào Cai; ĐD 278 E12.3 (220kV Yên Bái) - 286 (266) T500 Lào Cai; ĐD 271 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273 E20.3 (220kV Lào Cai); ĐD 272 E12.3 (220kV Yên Bái) - 274 E20.3 (220kV Lào Cai); MC 2 đầu ĐD	11/09	5.00	13/09	18.00	x	
269	Tách MBA AT2; MC 272; 274; 132; 432 E10.5 (220kV Xuân Mai)	08/09	7.00	08/09	18.00	x	
270	Tách MBA AT1; MC231; 131; 431 E1.35 (220kV Sơn Tây)	15/09	23.00	16/08	16.00	x	
271	Tách ĐD 271; 272 E4.20 (220kV Phú Thọ 2) – 271; 272 A17.55 (Suối Sập 2A); MC 271; 272 E4.20	09/09	22.00	10/09	8.00	x	
272	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	11/09	5.00	13/09	22.00	x	
273	Tách ĐD 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 272 E7.6	10/09	5.00	11/09	17.00	x	
274	Tách ĐD 271,272 A22.30 (TĐ Nho Quế 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); TC C21; MC 271 E16.2	13/09	0.00	13/09	10.00	x	
275	Tách ĐD 220kV 274 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 274 E26.5 (220kV Bắc Kạn); ngăn lộ 2 đầu TBA	14/09	5.00	14/09	17.00	x	
276	Tách ĐD 273 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 271 E26.5 (220kV Bắc Kạn); MC 2 đầu ĐD; TC C21 E16.2	15/09	5.00	15/09	16.00	x	
277	Tách ĐD 220kV 272 A14.0 (TĐ. Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); TC C21; ngăn lộ 273 E26.5	16/09	5.00	17/09	17.00	x	
278	Tách ĐD 277 T500 Hiệp Hòa - 271 T500 Đông Anh; MC 2 đầu ĐD	16/09	5.00	17/09	17.00	x	
279	Tách ĐD 272 E26.5 (220kV Bắc Kạn) – 275 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD	18/09	5.00	18/09	17.00	x	
280	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	19/09	0.01	20/09	23.59	x	
281	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu ĐD	20/09	0.01	20/09	2.00	x	
282	Tách ĐD 274 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 (274) A22.33 (TĐ Bắc Mê); MC 274 E22.4	21/09	0.00	21/09	10.00	x	
283	Tách ĐD 271 A22.33 (TĐ Bắc Mê) - 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 274 E6.2	22/09	5.00	22/09	16.00	x	
284	Tách ĐD 276 T500 Hiệp Hoà - 274 E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 2 đầu ĐD	22/09	5.00	22/09	17.00	x	
285	Tách ĐD 275 T500 Hiệp Hoà - 273	23/09	5.00	23/09	17.00	x	

	E1.19 (220kV Sóc Sơn); MC 2 đầu ĐD						
286	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	24/09	5.00	24/09	17.00	x	
287	Tách ĐD 271 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 272 E6.20 (220kV Lưu Xá); MC 2 đầu ĐD	25/09	5.00	25/09	17.00	x	
288	Tách ĐD 271 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 273 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	26/09	0.01	27/09	23.59	x	
289	Tách ĐD 275 E22.4 (220kV Hà Giang) - 271 A22.10 (TĐ Thái An); MC 275 E22.4	28/09	5.00	30/09	23.00	x	
290	Tách MBA T4; MC 134; 434 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	09/09	7.00	09/09	11.00	x	
291	Tách đ/d 171 E6.16 (220kV Phú Bình) - 171 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 171 E6.16	08/09	0.00	10/09	23.00	x	
292	Tách ĐD 271 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 271 T500 Hiệp Hoà; MC 2 đầu ĐD	08/09	5.00	08/09	16.00	x	
293	Tách ĐD 171 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 172 E26.3 (110kV Nà Phặc); MC 171 E16.2	08/09	5.00	08/09	16.00	x	
294	Tách ĐD 172 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.4 (110kV GT Cao Bằng); MC 172 E16.2	09/09	5.00	09/09	16.00	x	
295	Tách ĐD 173 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.7 (110kV Chu Trinh); MC 173 E16.2	10/09	5.00	10/09	16.00	x	
296	Tách ĐD 174 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 171 E16.1 (110kV Cao Bằng); MC 174 E16.2	11/09	5.00	11/09	16.00	x	
297	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E16.2 (220kV Cao Bằng)	14/09	5.00	14/09	16.00	x	
298	Tách ĐD 172 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.3 (110kV Gò Đầm); MC 172 E6.16	15/09	0.00	17/09	23.00	x	
299	Tách ĐD 176 E6.16 (220kV Phú Bình) - 176 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	16/09	5.00	16/09	17.00	x	
300	Tách ĐD 175 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 171 E6.4 (110kV Thịnh Đán); MC 175 E6.20	18/09	5.00	18/09	17.00	x	
301	Tách ĐD 176 E6.20 (220kV Lưu Xá) - 172 A6.15 (NĐ. An Khánh); MC 176 E6.20	19/09	5.00	19/09	17.00	x	
302	Tách ĐD 172 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.1 (110kV Đồi Cốc); MC 172 E7.6	22/09	0.00	22/09	8.00	x	
303	Tách ĐD 173 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.1 (110kV Đồi Cốc); MC 173 E7.6	23/09	0.00	23/09	8.00	x	
304	Tách ĐD 178 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 172 E6.8 (XM. Thái Nguyên); MC 178 E6.2	24/09	0.00	24/09	8.00	x	
305	Tách ĐD 177 E6.2 (220kV Thái	25/09	0.00	25/09	8.00	x	

	Nguyên) - 171 E6.8 (XM. Thái Nguyên); ngăn lộ 177 E6.2 (220kV Thái Nguyên)						
306	Tách ĐD 173 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.18 (110kV Yên Bình 3)	22/09	0.00	24/09	23.00	x	
307	Tách ĐD 182 E6.16 (220kV Phú Bình) - 171 E6.17 (110kV Phú Bình)	28/09	0.00	30/09	23.00	x	
308	Tách MBA AT3; MC 233; 133; 433 T500 Hiệp Hòa	29/09	0.00	29/09	10.00	x	
309	Tách MBA AT4; MC 234; 134; 434 T500 Hiệp Hòa	30/09	0.00	30/09	10.00	x	
310	Tách ĐD 277 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 271 E2.40 (220kV Dương Kinh); MC 2 đầu ĐD	08/09	7.00	15/09	18.00	x	
311	Tách ĐD 276 E2.1 (220kV Đồng Hoà) – 272 E2.40 (220kV Dương Kinh); MC 2 đầu ĐD	12/09	5.00	15/09	17.00	x	
312	Tách MBA AT1; TC C29; ngăn lộ 276 E7.6 (220kV Bắc Giang)	13/09	5.00	13/09	23.00	x	
313	Tách ĐD 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 272 E7.6	13/09	5.00	13/09	23.00	x	
314	Tách ĐD 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6	15/09	5.00	21/11	17.00	x	
315	Tách ĐD 174 E16.2 Cao Bằng - 171 E16.1 Cao Bằng; MC 174 E16.2	08/09	6.00	10/09	6.00	x	
316	Tách ĐD 275 T500 Sơn La - 271; 272 E17.50 (220kV Mường La); MC 2 đầu ĐD	13/09	6.00	13/09	17.00	x	
317	Tách ĐD 272 E17.6 (220kV Sơn La) - 273; 274 E17.50 (220kV Mường La); MC 2 đầu ĐD	19/09	6.00	19/09	17.00	x	
318	Tách MBA AT2; MC 272; 274; 132; 432; TC C22 và C19 E17.50 (220kV Mường La)	20/09	6.00	20/09	17.00	x	
319	Tách MBA AT4; MC 234; 134 T500 Lai Châu	27/09	7.00	27/09	11.00	x	
320	Tách MBA AT2; 232; 132 E29.20 (220 Mường Tè)	06/09	6.00	06/09	17.00	x	
321	Tách MBA AT3; 233; 133 E29.20 (220 Mường Tè)	13/09	6.00	13/09	17.00	x	
322	Tách ĐD 171 E17.50 (220kV Mường La) - 177 E17.6 (220kV Sơn La); MC 177 E17.6; MC 171 E17.50	11/09	6.00	11/09	17.00	x	
323	Tách ĐD 271 E4.4 (220kV Việt Trì) - 272; 273 E4.20 (Phú Thọ 2); MC 271; 200 E4.4	10/09	22.00	11/09	10.00	x	
324	Tách ĐD 272 E4.4 (220kV Việt Trì) - 272 T500 Việt Trì; MC 272; 200 E4.4	11/09	22.00	12/09	10.00	x	
325	Tách ĐD 273 E4.4 (220kV Việt Trì) - 271 T500 Việt Trì; MC 273; 200 E4.4	12/09	22.00	13/09	10.00	x	
326	Tách ĐD 274 E4.4 (220kV Việt Trì) - 272 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 274; 200 E4.4	13/09	22.00	14/09	10.00	x	
327	Tách ĐD 275 E4.4 (220kV Việt Trì) -	14/09	22.00	15/09	10.00	x	

	274 E4.15 (220kV Phú Thọ); MC 275; 200 E4.4						
328	Tách MBA AT1; MC 231; 131; 431; 200 E4.4 (220kV Việt Trì)	15/09	22.00	16/09	10.00	x	
329	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432 E4.4 (220kV Việt Trì)	16/09	22.00	18/09	10.00	x	
330	Tách MBA AT2, ngăn lộ 232, 132, 432 E4.4 (220kV Việt Trì)	04/09	22.00	06/09	10.00		x
331	Tách ĐD 172 E28.10 (220kV Kim Động) - 172 E28.21 (110kV Kim Động 2); MC 172 E28.10.	06/09	0.00	06/09	6.00		x
332	Tách ĐD 174 E28.10 (220kV Kim Động) - 171 E28.9 (KCN Thăng Long II); MC 174 E28.10	06/09	5.00	06/09	12.00		x
333	Tách ĐD 171 E16.2 (220kV Cao Bằng) - 172 E26.3 (110kV Nà Phặc); MC 171 E16.2	08/09	5.00	08/09	16.00		x
334	Tách ĐD 271 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 271 T500 Hiệp Hoà; MC 2 đầu ĐD	08/09	5.00	08/09	16.00		x
335	Tách ĐD 174 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 171 E6.6 (Phú Lương); MC 174 E6.2	14/09	7.00	15/09	19.30		x
336	Tách ĐD 174 E13.10 (Lạng Sơn 220kV) - 172 E13.12 (Lộc Bình); MC 174 E13.10	15/09	13:00	15/09	18:00		x
337	Tách ĐD 279 T500 Hiệp Hoà - 271 E7.15 (220kV Quang Châu); MC 2 đầu ĐD	16/09	0.01	16/09	12.00		x
338	Tách ĐD 172 E6.16 (220kV Phú Bình) - 172 E6.3 (110kV Gò Đầm), MC 172 E6.16	17/09	0.01	19/09	23.00		x
339	Tách ĐD 271,274 Yên Thủy E19.10 - 272 Nho Quan (T500NQ); MC 271, 274 E19.10	17/09	5.00	17/09	18.00		x
340	Tách ĐD 171 E22.40 (Bắc Quang 220kV) - 171 A22.41A (TĐ Nậm Là); A22.41B (TĐ Quảng Nguyên); MC 171 E22.40	18/09	5.00	18/09	12.00		x
341	Tách MBA T4, hệ thống SVC E4.4 (220kV Việt Trì)	19/09	22.00	20/09	10.00		x
342	Tách MBA T3 E2.20 (220kV Đình Vũ); Tách MC 133, 433 E2.20	20/09	0.00	20/09	16.00		x
343	Tách MBA AT1 E7.15 (220kV Quang Châu)	20/09	0.01	20/09	6.00		x
344	Tách ĐD 176 E8.9 (220kV Hải Dương) - 174 E8.26 (Tân Trường); MC 176 E8.9.	20/09	5.00	20/09	20.00		x
345	Tách ĐD 171 T500 Phố Nối - 171 E28.5 (Giai Phạm); MC 171 T500 Phố Nối	21/09	07:00	21/09	17:00		x
346	Tách ĐD 172 T500 Phố Nối - 171 E28.19 (Như Quỳnh); MC 172 T500 Phố Nối.	22/09	07:00	22/09	17:00		x
347	Tách ĐD 173 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 171 E8.22 (Kim Thành); MC 173 E8.20	23/09	05:00	23/09	10:00		x

348	Tách MBA AT1, MC 271, 273, 131, 431, 112 E19.10 (220kV Yên Thủy)	24/09	5.00	24/09	22.00		x
349	Tách ĐD 174 E20.3 (220kV Lào Cai) - 172 E20.2 Lào Cai; MC 174; MC 100 E20.3	25/09	4.00	25/09	15.00		x
350	Tách ĐD 177 E2.1 (220kV Đồng Hoà) - 172 E2.21 (Tràng Duệ) - 171 E2.27 (Tiên Lãng) - 171 E8.19 (Nguyên Giáp); MC 177 E2.1	27/09	7.00	27/09	17.00		x
351	Tách MBA AT1 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 231, 131, 431, 200, TC C29 E2.9 (220kV Vật Cách)	26/09	0.00	26/09	6.00		x
352	Tách MBA AT2 E2.9 (220kV Vật Cách); MC 232, 132, 200, TC C29 E2.9.	27/09	0.00	27/09	6.00		x
353	Tách ĐD 178 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.38 (KCN An Dương); MC 178, 100 E2.9	21/09	1.30	21/09	5.30		x
354	Tách ĐD 172 E2.9 (220kV Vật Cách) – 171 E2.18 (Cửu Long); MC 172, 100 E2.9	22/09	1.30	22/09	5.30		x
355	Tách ĐD 176 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.22 (Thép Việt Ý); MC 176, 100 E2.9	23/09	1.30	23/09	5.30		x
356	Tách ĐD 177 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.34 (Thép Việt Nhật); MC 177, 100 E2.9	24/09	1.30	24/09	5.30		x
357	Tách ĐD 174 E2.9 (220kV Vật Cách) – 171 A2.0 (Nhật Bản); MC 174, 100 E2.9	25/09	1.30	25/09	5.30		x
358	Tách MBA AT2, ngăn lộ 232, 132, 432 E4.4 (220kV Việt Trì)	26/09	22.00	27/09	7.00		x
359	Tách MBA AT2, 575, 576; 232 T500 Hiệp Hòa	26/09	0.01	26/09	23.00		x
360	Tách ĐD 271; 272 A22.30 (TĐ Nho Quế 3) - 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); MC 271 E16.2 (220kV Cao Bằng); TC C21 E16.2	27/09	0.00	27/09	10.00		x
361	Tách ĐD 173 E5.35 (220kV Yên Hưng) - 172 E5.36 (Amata 1); MC 173 E5.35	21/09	22.00	22/09	6.00		x
362	Tách MBA AT1, TC C29, MC231, MC200, MC131, MC431 E24.4 (220kV Phủ Lý).	01/09	23.00	02/09	23.00		x
363	Tách MBA AT2, TC C22, MC 272, 274, 132, 432 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	01/09	06h00	02/09	22.00		x
364	Tách ĐD 173 E27.15 - 172 E27.7 Yên Phong, MC 173 E27.15	05/09	7.00	07/09	7.00		x
365	Tách ĐD 275 E9.50 (220kV Nông Cống) - 272 trạm cắt Nậm Sum; MC 02 đầu	09/09	8.00	09/09	18.00		x
366	Tách ĐD 276 E9.50 (220kV Nông Cống) - 271 trạm cắt Nậm Sum; MC 02 đầu	10/09	8.00	10/09	18.00		x
367	Tách ĐD 171 E27.15 ÷ 171 E27.16	11/09	7.00	13/09	7.00		x

	Yên Phong 5, MC 171 E27.15						
368	Tách TC C22, ĐD 272 E9.2 (220kV Ba Chè) - 276 T500NQ, MC 272 E9.2	13/09	22.00	14/09	5.00		x
369	Tách MC 271 E24.4, ĐD 271 E24.4 (220kV Phủ Lý) - 276 E1.4 (220kV Hà Đông)	14/09	6.00	14/09	17.00		x
370	Tách 02 ĐD 271 (A11.0) NĐ Thái Bình - 274 (E11.1) Thái Bình và ĐD 272 (A11.0) NĐ Thái Bình - 275 (E11.1) Thái Bình	15/09	5.00	19/09	18.00		x
371	Tách ĐD 273, 274 Nam Định (E3.7)-271 Vũ Thư (E11.20); MC 273, 274 E3.7	15/09	7,00	16/09	7,00		x
372	Tách ĐD 277 Hiệp Hòa (T500HH) – 271 Đông Anh (T500ĐA); MC 271 T500ĐA	27/09	3.00	27/09	16.00		x
373	Tách ĐD 272 Đông Anh - 271 Bắc Ninh 3; MC 272 T500ĐA; MC 271 E27.15;	27/09	3.00	27/09	16.00		x
374	Tách ĐD 173 E27.15 - 172 E27.7 Yên Phong, MC 173 E27.15	20/09	0.00	21/09	6.00		x
375	Tách MC 175, ĐD 175 E1.4 (220kV Hà Đông) - 172 E1.70 Đại Mỗ, TC C19 E1.4	22/09	8.00	22/09	21.00		x
376	Tách ĐD 274 E11.1 (Thái Bình) - 271, 251 A11.1 (Nhiệt điện Thái Bình 1); MC 274 E11.1	23/09	8.00	27/09	16.00		x
377	Tách ĐD 171 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 171 E15.44 (XM Tân Thắng)	25/09	8.00	25/09	14.00		x
378	Tách ĐD 172 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 172 E15.49 (KCN Hoàng Mai 1)	26/09	8.00	26/09	14.00		x
379	Tách TC C22, ĐD 272 E9.2 (220kV Ba Chè) - 276 T500NQ (500kV Nho Quan)	26/09	22.00	27/09	5.00		x
380	Tách MBA AT4, MC234, 134 E15.1 Hưng Đông	26/09	22.00	27/09	6.00		x
381	Tách MBA AT1; MC 231, MC 131 E1.23 (220kV Vân Trì)	26/09	22.00	28/09	8.00		x
382	Tách ĐD 173 T500 Đông Anh - 172 E27.11 Châu Khê 2, MC 173 T500ĐA.	27/09	7.00	27/09	23.00		x
383	Tách ĐD 173 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 171 E9.8 (T110 Nông Cống)	27/09	8.00	27/09	14.00		x
384	Tách ĐD 174 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 175 E9.50 (220kV Nông Cống)	28/09	8.00	28/09	14.00		x
385	Tách ĐD 171 T500 Hà Tĩnh - 171 E18.8 Hương Khê, TC C19 T500HT.	29/09	5.00	30/09	14.00		x
386	Tách ĐD 173E9.2 (220kV Ba Chè) - 175 E9.1 (T110 Núi Một)	29/09	8.00	29/09	16.00		x
387	Tách ĐD 176 E9.2 (220kV Ba Chè) - 171 E9.27 (T110 Tây Thành phố)	30/09	8.00	30/09	16.00		x
388	Tách ĐD 277 Hiệp Hòa (T500HH) – 271 Đông Anh (T500ĐA); MC 271 T500ĐA.	27/09	3.00	27/09	16.00		x
389	Tách ĐD 272 Đông Anh (T500ĐA) – 271 Bắc Ninh 3 (E27.15); MC 272	27/09	3.00	27/09	16.00		x

	T500ĐA; MC 271 E27.15						
390	Tách ĐD 274 T500 Đông Anh - 274 E1.45 Long Biên, MC 274 T500ĐA, TC C22 T500ĐA.	22/09	22.00	23/09	7.00		x
391	Tách ĐD 274 T500 Đông Anh - 274 E1.45 Long Biên, MC 274 T500ĐA, TC C22 T500ĐA.	22/09	22.00	23/09	7.00		x

b. PTC2

****Trạm biến áp:***

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA AT1 Sơn Hà 220	03/09/26	08:07	03/09/26	09:44	x	
2	MBA AT2 Quảng Ngãi 220	05/09/26	08:02	05/09/26	17:37	x	
3	MBA AT2 Sông Tranh 2 220	08/09/26	08:42	08/09/26	17:12	x	
4	MBA T1 Huế 220	10/09/26	06:12	10/09/26	10:14	x	
5	MBA AT2 KonTum 220	10/09/26	06:52	10/09/26	18:24	x	
6	MBA AT1 Sơn Hà 220	11/09/26	08:12	11/09/26	09:16	x	
7	MBA AT2 Sơn Hà 220	11/09/26	14:51	11/09/26	16:00	x	
8	MBA T1 Hòa Khánh 220	13/09/26	06:59	13/09/26	10:36	x	
9	MBA T1 Thạnh Mỹ 220	19/09/26	07:00	19/09/26	15:26	x	
10	MBA T2 Hòa Khánh 220	20/09/26	06:43	20/09/26	11:24	x	
11	MBA AT3 Đà Nẵng 500	20/09/26	09:00	20/09/26	10:55	x	
12	MBA AT2 Thạnh Mỹ 500	21/09/26	12:21	21/09/26	14:19	x	
13	MBA AT1 Quảng Ngãi 220	23/09/26	13:40	23/09/26	19:42	x	
14	MBA AT2 Ba Đồn 220	24/09/26	08:36	24/09/26	15:21	x	
15	MBA AT3 Hòa Khánh 220	24/09/26	07:54	24/09/26	10:59	x	
16	MBA AT1 Ba Đồn 220	25/09/26	06:47	25/09/26	10:41	x	
17	MBA AT1 Dốc Sỏi 500	27/09/26	07:42	27/09/26	16:50	x	
18	MBA T3 Tam Kỳ 220	27/09/26	07:20	27/09/26	15:27	x	
19	MBA T1 Ngũ Hành Sơn 220	28/09/26	06:26	28/09/26	11:48	x	
20	MBA AT4 Dốc Sỏi 500	28/09/26	12:34	28/09/26	16:55	x	

*** Đường dây:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 500kV 573 Quảng Trạch - 573 Dốc Sỏi	05/09/26	06:20	05/09/26	20:02	x	
2	ĐD 220kV 277 Đông Hà - 273 Lao Bảo	05/09/26	08:08	05/09/26	16:22	x	
3	ĐD 220kV 277 Pleiku - 272 KonTum	05/09/26	08:21	05/09/26	11:03	x	
4	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Dốc Sỏi	06/09/26	06:24	06/09/26	17:24	x	
5	ĐD 220kV 271 Bờ Y- 274 Pleiku 2	07/09/26	08:00	07/09/26	12:12	x	
6	ĐD 220kV 272 Bờ Y- 273 Pleiku 2	08/09/26	08:36	08/09/26	12:11	x	
7	ĐD 500kV 576 Đà Nẵng - 582 Dốc Sỏi	09/09/26	07:39	09/09/26	16:09	x	
8	ĐD 220kV 273 Bờ Y-	09/09/26	09:05	09/09/26	12:14	x	

	271 Xekaman 1						
9	ĐD 500kV 576 Thạnh Mỹ - 582 NMĐG Monsoon	10/09/26	07:37	16/09/26	18:20	x	
10	ĐD 220kV 274 Bờ Y- 272 Xekaman 1	10/09/26	08:49	10/09/26	11:38	x	
11	ĐD 220kV 273 Đăk Ooc - 272 Thạnh Mỹ 500	13/09/26	06:53	13/09/26	17:34	x	
12	ĐD 220kV 271 Đà Nẵng - 271 Ngũ Hành Sơn	17/09/26	08:02	17/09/26	16:31	x	
13	ĐD 500kV 572 Thạnh Mỹ 500 - 583 Pleiku 2	18/09/26	07:42	18/09/26	17:30	x	
14	ĐD 500kV 573 Quảng Trị- 574 Vũng Áng	18/09/26	07:03	19/09/26	16:36	x	
15	ĐD 500kV 575 Thạnh Mỹ - 581 NMĐG Monsoon	18/09/26	08:52	25/09/26	15:54	x	
16	ĐD 220kV 272 Đà Nẵng - 271 Hải Châu	18/09/26	08:10	18/09/26	16:28	x	
17	ĐD 220kV 275 Lao Bảo - 271 NMĐG Amacao.	19/09/26	08:47	20/09/26	09:35	x	
18	ĐD 220kV 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh	19/09/26	08:24	19/09/26	17:58	x	
19	ĐD 500kV 572 Quảng Trạch - 575 Vũng Áng	20/09/26	06:31	21/09/26	16:48	x	
20	ĐD 220kV 274 Đà Nẵng - 274 Duy Xuyên	20/09/26	08:11	20/09/26	16:22	x	
21	ĐD 220kV 271 NMTĐ Sông Bung 2 - 277 Thạnh Mỹ 500	20/09/26	08:04	20/09/26	18:03	x	
22	ĐD 500kV 571 Quảng Trạch - 585 Vũng Áng	22/09/26	06:51	23/09/26	17:30	x	
23	ĐD 220kV 272 Ba Đồn - 275 Đồng Hới	23/09/26	07:26	23/09/26	17:21	x	
24	ĐD 220kV 273, 274 Đồng Hới - 273 BT1	27/09/26	09:34	27/09/26	11:46	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập KH501, MC K501 trạm 500kV Pleiku2.	03/09/2026	09:06	03/09/2026	18:04	x	
2	Chuyển quyền thao tác từ CSO về TBA 220kV Tháp Chàm. (03/09/2026 05:00 - 05/09/2026 20:00) MC 176 (dùng MC 100 thay thế 176) (03/09/2026 05:00 - 05/09/2026 15:00) Cắt điện MC 176, TU176, MC 100 (05/09/2026	03/09/2026	08:03	05/09/2026	20:32	x	

	15:00 - 05/09/2026 20:00)						
3	Cô lập MBA AT1, MC 431, 131, 231 trạm 220kV Vân Phong	03/09/2026	08:41	03/09/2026	14:00	x	
4	Cô lập MC 171, TI171, TU171 trạm 220kV Bảo Lộc	04/09/2026	07:41	04/09/2026	11:14	x	
5	Cô lập MC172, TI172, TU172 trạm 220kV Bảo Lộc	05/09/2026	08:02	05/09/2026	11:00	x	
6	Cô lập MBA T4, MC 134, 434, 444, TD42, TC C42 trạm 220kV Bảo Lộc	03/09/2026	07:24	03/09/2026	16:57	x	
7	Cô lập MC 274 trạm 220kV Ninh Phước; ĐD 274 Ninh Phước - 272 Mỹ Sơn HLV	03/09/2026	17:53	03/09/2026	23:59	x	
8	Cô lập MC 271 (dùng MC 200 thay thế)	04/09/2026	07:53	04/09/2026	16:59	x	
9	Cô lập MC 273, TC C21 TBA 220kV Vạn Ninh, MC 272 TBA 500kV Vân Phong; ĐD 273 Vạn Ninh - 272 T500 Vân Phong.	04/09/2026	06:59	04/09/2026	16:16	x	
10	Cô lập KH504, MC K504 trạm 220kV Tuy Hòa	04/09/2026	09:54	04/09/2026	17:15	x	
11	Cô lập MBA 500kV AT1; các MC231, 531, 563 trạm 500kV Pleiku	05/09/2026	06:58	05/09/2026	18:36	x	
12	Cô lập MC 274, TC C22 TBA 220kV Vạn Ninh, MC 277 TBA 220kV Vân Phong; ĐD 274 Vạn Ninh - 277 T220 Vân Phong	05/09/2026	06:29	05/09/2026	16:55	x	
13	Cô lập MC 272 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	05/09/2026	07:14	05/09/2026	15:44	x	
14	Cô lập MC 273 (dùng MC 200 thay thế) thế) trạm 220kV Tuy Hòa	06/09/2026	07:02	06/09/2026	15:22	x	
15	Cô lập MBA 500kV AT5; các MC235, 535, 565 trạm 500kV Pleiku	06/09/2026	06:51	06/09/2026	17:31	x	
16	Cô lập MC 232 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Tuy Hòa	07/09/2026	07:21	07/09/2026	14:40	x	
17	Chuyển quyền thao tác từ CSO về TBA 220kV Tháp Chàm. (07/09/2026 07:00 - 09/09/2026 22:00) Cô lập MC 100 (07/09/2026 07:00 - 09/09/2026 17:00) Cắt điện MC 100, TC C19 (09/09/2026 17:00 - 09/09/2026 22:00)	07/09/2026	08:10	09/09/2026	20:37	x	

18	Cô lập MBA 500kV AT2; các MC 232, 532, 571, 342 trạm 500kV Pleiku	07/09/2026	06:40	07/09/2026	18:36	x	
19	Cô lập MC172, TU172, MC 100 và thanh cái C19 trạm 220kV Tháp Chàm	08/09/2026	05:47	12/09/2026	22:47	x	
20	Cô lập MC 200 trạm 220kV Cam Ranh	08/09/2026	09:06	21/09/2026	18:00	x	
21	Cô lập KH592, MC K592 trạm 500kV Pleiku2	08/09/2026	07:57	08/09/2026	17:05	x	
22	Cô lập KH593, MC K593 trạm 500kV Pleiku2	09/09/2026	08:17	09/09/2026	17:14	x	
23	Cô lập MC 275 trạm 220kV Tuy Hòa, MC 276 trạm Vạn Ninh; ĐD 275 Tuy Hòa - 276 Vạn Ninh	09/09/2026	06:30	09/09/2026	15:30	x	
24	Cô lập MC 274 trạm 220kV Tuy Hòa, MC 275 trạm Vạn Ninh; ĐD 274 Tuy Hòa - 275 Vạn Ninh	10/09/2026	06:24	10/09/2026	15:01	x	
25	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132 trạm 220kV Phù Mỹ	10/09/2026	08:06	10/09/2026	15:53	x	
26	Cô lập MC 272 (Dùng MC200 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn	10/09/2026	11:18	10/09/2026	13:08	x	
27	Cô lập MC 271 (Dùng MC200 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn	10/09/2026	08:35	10/09/2026	09:59	x	
28	Cô lập MC 273 (Dùng MC200 thay thế) trạm 220kV Quy Nhơn	10/09/2026	13:43	10/09/2026	15:32	x	
29	Cô lập MC 131 trạm 220kV Vĩnh Hảo	10/09/2026	20:46	10/09/2026	22:06	x	
30	Cô lập MBA AT3, MC 233, 133, 443, 112; Lần lượt TC C11, C12 trạm 220kV Hàm Tân	10/09/2026	08:16	10/09/2026	19:52	x	
31	Cô lập KH594, MC K594 trạm 500kV Pleiku2	10/09/2026	07:42	10/09/2026	17:37	x	
32	Cô lập KH592, MC K592 trạm 500kV Pleiku	10/09/2026	07:52	10/09/2026	17:37	x	
33	Cô lập MBA AT2, MC 232, 132 trạm 220kV Quy Nhơn	11/09/2026	11:33	11/09/2026	13:01	x	
34	Cô lập TC C22 trạm 220kV Quy Nhơn	11/09/2026	18:06	11/09/2026	18:18	x	
35	Chuyển quyền thao tác từ CSO về TBA 220kV Tháp Chàm. (11/09/2026 07:00 - 13/09/2026 22:00) Cô lập MC 112 chuyển tải sang thanh cái C11 (11/09/2026 07:00 - 13/09/2026 17:00) Cắt điện MC 112	11/09/2026	08:20	13/09/2026	17:02	x	

	(13/09/2026 17:00 - 13/09/2026 22:00)						
36	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131 trạm 220kV Quy Nhơn	11/09/2026	07:59	11/09/2026	10:44	x	
37	Cô lập MC 200, TC C21 trạm 220KV Quy Nhơn	11/09/2026	15:13	11/09/2026	17:04	x	
38	Cô lập MC 175, TU175, DCL 175-9, TC C19 trạm 220kV KrongBuk	11/09/2026	17:07	12/09/2026	00:15	x	
39	Cô lập MC 175, TI 175, TU 175 trạm 220kV Hàm Tân	12/09/2026	08:12	12/09/2026	15:29	x	
40	Cô lập MC 171, TC C11, TC C19; ĐD171/T220 Cam Ranh -172/NMĐMT KN Cam Lâm	12/09/2026	17:46	13/09/2026	04:02	x	
41	Cô lập MC 172, 175, TC C12, TC C19; ĐD 172/T220 Cam Ranh - 171/NMĐMT KN Cam Lâm.	13/09/2026	18:20	14/09/2026	4:29	x	
42	Cô lập MBA T4, MC 134, 334, 434, TC C19 trạm 220KV Quy Nhơn	13/09/2026	08:46	13/09/2026	16:36	x	
43	Cô lập MBA T4, MC134, MC 434 trạm 220kV KrongBuk	13/09/2026	06:20	14/09/2026	20:41	x	
44	Cô lập MBA T3, MC133, MC 433 trạm 220kV KrongBuk	13/09/2026	06:20	13/09/2026	10:14	x	
45	Cô lập MC 334 trạm 220kV Quy Nhơn	13/09/2026	08:46	17/09/2026	17:00	x	
46	Cô lập MC 271 TBA 220kV Quy Nhơn, MC 271 TBA 220kV Tuy Hòa; ĐD 271_QuyNhon-271_TuyHoa	14/09/2026	05:46	17/09/2026	18:39	x	
47	Cô lập MC 180, TC C19 Trạm 220kV Phan Rí	14/09/2026	07:27	14/09/2026	17:14	x	
48	Cô lập ĐD 273 Tuy Hòa-272 Hòa Hội.	14/09/2026	07:39	14/09/2026	16:50	x	
49	Cô lập MC234 (Dùng MC 200 thay thế) trạm 500kV Pleiku	14/09/2026	07:58	17/09/2026	15:15	x	
50	Cô lập MC 173, DCL: 173-7; - MC 172, DCL: 172-7; - MC 175, DCL: 175-7 trạm 220kV An khê	15/09/2026	07:59	22/09/2026	15:50	x	
51	Cô lập MC 174 - DCL: 174-7 trạm 220kV An Khê	15/09/2026	07:59	25/09/2026	17:00	x	
52	Cô lập MC 584 trạm 500kV Vĩnh Tân	15/09/2026	08:40	15/09/2026	16:15	x	
53	Cô lập MC 586, 566 trạm 500kV Vĩnh Tân	15/09/2026	08:40	15/09/2026	20:10	x	

54	Cô lập MC172, DCL172-7, Lần lượt TCC12, TC C11 trạm 220kV Phan Thiết	15/09/2026	07:53	16/09/2026	05:46	x	
55	Cô lập MC 179 trạm 220kV Phan Rí2; ĐD 179 Phan Rí 2 -171 Phan Rí	16/09/2026	17:59	17/09/2026	02:00	x	
56	Cô lập TC C11 trạm 220kV Phước An	16/09/2026	08:02	16/09/2026	09:25	x	
57	Cô lập TBA 500kV Pleiku 2: MC 275, TBA 500kV Pleiku: Ngăn MC 272; ĐD 275/Pleiku 2 - 272/Pleiku.	16/09/2026	06:32	16/09/2026	17:34	x	
58	Cô lập MBA AT4, MC134, MC 234, 434 trạm 500kV Pleiku	17/09/2026	15:30	17/09/2026	20:34	x	
59	Cô lập thanh cái C52; ngăn MC 532, 561trạm 500kV Vĩnh Tân	18/09/2026	15:36	19/09/2026	04:50	x	
60	Cô lập MBA 220kV AT3; các MC233, 133 trạm 500kV Pleiku.	18/09/2026	17:08	18/09/2026	21:54	x	
61	Cô lập MC 232, 132, 432, MBA AT2, C22, C12 trạm 220kV Phước Thái	18/09/2026	18:50	19/09/2026	02:32	x	
62	Cô lập MC 212 và chuyển giàn TC C21 sang thanh cái C22Trạm 220kV Hàm Tân	18/09/2026	16:54	18/09/2026	18:48	x	
63	Cô lập DCL 233-1, thanh cái C21 (chuyển các ngăn 220kV về vận hành trên thanh cái C22 dùng MC200 thay thế MC233) trạm 500kV Pleiku	18/09/2026	09:43	18/09/2026	15:32	x	
64	Cô lập MC 275 (dùng MC 200 thay thế), TC C22 trạm 220kV Bảo Lộc	18/09/2026	08:38	20/09/2026	08:30	x	
65	Cô lập MC 233, 133, 435, MBA AT3, C21, C11 trạm 220kV Phước Thái	19/09/2026	18:45	20/09/2026	00:37	x	
66	Cô lập ĐD 274/NMTDAnKhê-272/_NMDSK AnKhê	19/09/2026	18:44	19/09/2026	22:12	x	
67	Cô lập MC 274 trạm 220kV Tuy Hòa, Chuyển khóa phân quyền về tại trạm	19/09/2026	18:59	20/09/2026	20:05	x	
68	Cô lập Kháng KH503, tụ bù dọc TBD503, MC 571, MC 572 T500 Di Linh; ĐD 573 DiLinh - 574_TânDinh	19/09/2026	06:38	19/09/2026	15:34	x	
69	Cô lập ĐD 571 EaNam - 574 Di Linh	20/09/2026	06:46	20/09/2026	17:05	x	
70	Cô lập MC 271, TU 271	20/09/2026	18:45	21/09/2026	02:04	x	

	trạm 500kV Pleiku; ĐD 271 Pleiku - 274 Sinh khối An khê.						
71	Cô lập MC 573, 574, Kháng KH504, Tụ bù dọc TBD504 T500 Di Linh; ĐD 571 EaNam-574 DiLinh	20/09/2026	06:46	20/09/2026	17:05	x	
72	Cô lập MC 231, 431, 433, 200 và MBA T1 trạm 220kV Phước Thái	21/09/2026	18:37	21/09/2026	23:38	x	
73	Cô lập MC 200 trạm 220kV Cam Ranh	22/09/2026	16:15	23/09/2026	14:32	x	
74	Cô lập TI 531 trạm 500kV Pleiku 2	22/09/2026	08:24	22/09/2026	10:09	x	
75	Cô lập MC 212 chuyển tải sang thanh cái C21 trạm 220kV Tháp Chàm	22/09/2026	05:50	24/09/2026	17:22	x	
76	Cô lập MC 173 DCL173-7 (22/09/2026 07:00 - 22/09/2026 23:00) TC C12 (22/09/2026 10:00 - 22/09/2026 23:00) TC C11 (22/09/2026 07:00 - 22/09/2026 10:00) trạm 220kV Phan Thiết	22/09/2026	08:04	23/09/2026	11:48	x	
77	Cô lập MC 200 trạm 220kV Cam Ranh	23/09/2026	11:30	23/09/2026	13:52	x	
78	Cô lập TI 561 trạm 500kV Pleiku2	22/09/2026	10:51	22/09/2026	14:12	x	
79	Cô lập MBA AT2, MC232, MC132, thanh cái C19 trạm 220kV Quy Nhơn	22/09/2026	08:02	22/09/2026	16:02	x	
80	Cô lập TI 532 trạm 500kV Pleiku2	23/09/2026	07:48	23/09/2026	9:55	x	
81	Cô lập MBA AT1, MC231, MC131, thanh cái C19 trạm 220KV Quy Nhơn	23/09/2026	07:56	23/09/2026	16:22	x	
82	Cô lập TI232 (dùng MC200 thay thế MC232) trạm 220kV KrongBuk	23/09/2026	07:01	23/09/2026	09:02	x	
83	Cô lập TI 562 trạm 500kV Pleiku2	23/09/2026	10:44	23/09/2026	13:38	x	
84	Cô lập MBA AT2 trạm 220kV Nha Trang	23/09/2026	04:31	23/09/2026	06:48	x	
85	Cô lập TI271(dùng MC200 thay thế MC271) trạm 220kV Krông Buk	23/09/2026	09:45	23/09/2026	11:02	x	
86	Cô lập MC 273 (dùng MC 200 thay thế) thanh cái C22 trạm 220kV Quy Nhơn	24/09/2026	08:20	24/09/2026	15:08	x	
87	Cô lập MC 175, TU 175, BVSL TC F87B phía	24/09/2026	06:00	24/09/2026	18:00	x	

INPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04

	110kV trạm 220kV Đức Trọng						
88	Cô lập MC 212 Hàm Tân 2	24/09/2026	17:10	24/09/2026	17:59		x
89	Cô lập TI171(dùng MC100 thay thế MC171) trạm 220kV Krông Buk	24/09/2026	06:48	24/09/2026	9:18	x	
90	Cô lập TI172(dùng MC100 thay thế MC172) trạm 220kV Krông Buk	24/09/2026	10:15	24/09/2026	11:39	x	
91	Cô lập MC 271, MC 251; ĐD 271 Vĩnh Tân - 273 Thuận Nam	25/09/2026	17:52	26/09/2026	04:00	x	
92	Cô lập MC174, DCL174-7 (07:00 - 23:00) TC C12 (07:00 - 10:00) TC C11 (10:00 - 23:00) trạm 220kV Phan Thiết	25/09/2026	07:50	25/09/2026	23:00	x	
93	Cô lập TI173 (dùng MC100 thay thế MC173trạm 220kV Tuy Hòa	25/09/2026	19:57	25/09/2026	21:39	x	
94	Cô lập MC 200, thanh cái C21 trạm 220vV Quy Nhơn	25/09/2026	07:52	25/09/2026	15:16	x	
95	Cô lập MC 564 trạm 500kV Vĩnh Tân	26/09/2026	13:29	26/09/2026	17:20	x	
96	Cô lập TC C52, MC 572, 573, K502 trạm 500kV Di Linh	26/09/2026	17:11	27/09/2026	07:00	x	
97	Cô lập MC 212, TC C21 trạm 220kV Hàm Tân	26/09/2026	16:42	26/09/2026	23:00	x	
98	Cô lập MBA AT1; MC 231, 131 trạm 220kV Nha Trang	26/09/2026	04:46	26/09/2026	14:15	x	
99	Cô lập MC 271, 273 trạm 220kV Chư Sê; ĐD 271 Chư Sê - 271 Ia Le 1	27/09/2026	17:20	27/09/2026	20:19	x	
100	Cô lập MBA AT2; MC 232, 132; TC C22, C12 trạm 220kV Nha Trang	27/09/2026	04:30	27/09/2026	18:16	x	
101	Cô lập MC 276 Hàm Tân 2, MC 271 Phan thiết 2; ĐD 276 Hàm Tân 2 - 271 Phan Thiết 2	27/09/2026	20:02	28/09/2026	05:51	x	
102	Cô lập MC 565 trạm 500kV Vĩnh Tân	28/09/2026	20:06	28/09/2026	23:25	x	
103	Cô lập MC 585, 565 trạm 500kV Vĩnh Tân	28/09/2026	13:32	28/09/2026	19:12	x	
104	Cô lập MC 272, 274 TBA 220kV Chư Sê, MC 276, 200 Trạm 500kV Pleiku 2; ĐD 272 Chư Sê - 276 Pleiku 2	29/09/2026	16:00	30/09/2026	06:00	x	
105	Cô lập TI174 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV	29/09/2026	08:00	29/09/2026	12:00	x	

	Quy Nhơn						
106	Cô lập KH501 trạm 500kV Di Linh	29/09/2026	13:00	29/09/2026	17:00	x	
107	Cô lập ĐD 271 Buôn Kuốp-274_Srêpok3	30/09/2026	16:30	30/09/2026	23:55	x	
108	Cô lập MC 176, 177, 112, TC C12 trạm 220kV Chư Sê	30/09/2026	12:00	30/09/2026	17:00	x	
109	Cô lập MC 275, 212 và TC C21 Hàm Tân 2; ĐD 275 Hàm Tân 2 - 273 Phan Thiết 2	30/09/2026	19:00	01/10/2026	05:00	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	**Trạm biến áp**	**Thiết bị cô lập**						
1	Trạm 220kV Cà Mau	C12	27/09	7:56	27/09	16:15	x	
2	Trạm 220kV Đức Hòa	AT1	27/09	7:51	27/09	14:30	x	
3	Trạm 220kV Tao Đàn	K402	27/09	7:50	27/09	15:47	x	
4	Trạm 500kV Sông Mây	232	27/09	6:30	27/09	17:45	x	
5	Trạm 500kV Phú Lâm	178	27/09	6:00	27/09	10:30	x	
6	Trạm 220kV Bình Chánh	AT2	25/09	22:00	28/09	6:00	x	
7	Trạm 220kV Bình Hòa	C12	25/09	8:34	25/09	13:30	x	
8	Trạm 220kV Tân Thành	187	23/09	13:40	23/09	16:00	x	
9	Trạm 220kV Châu Đức	C11	23/09	8:40	23/09	16:25	x	
10	Trạm 220kV Tân Thành	186	23/09	8:31	23/09	11:35	x	
11	Trạm 220kV Trà Nóc	171	23/09	7:56	23/09	16:30	x	
12	Trạm 500kV Sông Mây	531	15/09	9:00	15/09	10:40	x	
13	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C22	11/09	7:00	11/09	23:00	x	
14	Trạm 220kV Bạc Liêu	C22	11/09	7:00	12/09	19:00	x	
15	Trạm 220kV Long Thành	131	11/09	6:16	14/09	22:00	x	
16	Trạm 500kV Long Thành	AT2	09/09	9:10	09/09	17:04	x	
17	Trạm 500kV Phú Mỹ	575	09/09	9:00	09/09	17:00	x	
18	Trạm 220kV Bạc Liêu	131	08/09	8:23	09/09	17:37	x	
19	Trạm 220 kV Cai lậy	C12	08/09	7:26	08/09	14:59	x	
20	Trạm 220kV Bạc Liêu	112	08/09	5:59	08/09	17:19	x	
21	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C21	08/09	0:00	08/09	23:00	x	
22	Trạm 220kV Cà Mau	C11	07/09	6:00	08/09	18:00	x	
23	Trạm 220kV Châu Đốc	112	30/09	16:39	30/09	19:37	x	
24	Trạm 500kV Đức Hòa	584	30/09	13:50	30/09	14:31	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
25	Trạm 500kV Chơn Thành	532	30/09	13:06	30/09	13:40	x	
26	Trạm 500kV Chơn Thành	AT1	30/09	11:15	30/09	13:05	x	
27	Trạm 220kV Hóc Môn	TD42	30/09	10:05	30/09	11:50	x	
28	Trạm 220kV Bình Chánh	C12	30/09	9:48	30/09	15:16	x	
29	Trạm 220kV Giá Rai	C12	30/09	8:39	30/09	11:20	x	
30	Trạm 220kV Long Thành	183	29/09	22:00	30/09	0:00	x	
31	Trạm 220kV Châu Đốc	C12	29/09	16:00	29/09	23:26	x	
32	Trạm 220kV Tân Thành	175	29/09	7:00	29/09	17:24	x	
33	Trạm 220kV Long Bình	273	28/09	11:18	28/09	12:11	x	
34	Trạm 220kV Long Bình	179	28/09	7:59	28/09	11:39	x	
35	Trạm 500kV Cầu Bông	275	28/09	7:45	28/09	14:51	x	
36	Trạm 220kV Tao Đàn	433	26/09	8:36	26/09	18:13	x	
37	Trạm 220 kV Cai lậy	433	26/09	8:00	26/09	17:00	x	
38	Trạm 220kV Cà Mau	171	26/09	7:29	27/09	17:00	x	
39	Trạm 220kV Long Thành	T101	24/09	9:59	24/09	16:50	x	
40	Trạm 220kV Mỹ Xuân	179	24/09	9:07	24/09	16:34	x	
41	Trạm 220kV Hóc Môn	C19	24/09	8:42	24/09	13:42	x	
42	Trạm 220kV Mỏ Cày	173	24/09	8:18	24/09	19:26	x	
43	Trạm 500kV Phú Lâm	C55	22/09	23:00	23/09	4:00	x	
44	Trạm 220kV Uyên Hưng	175	22/09	21:00	23/09	5:00	x	
45	Trạm 220kV Long Thành	C21	22/09	21:00	22/09	22:30	x	
46	Trạm 220kV Tân Thành	442	22/09	8:00	26/09	18:00	x	
47	Trạm 220kV Trảng Bàng	C11	22/09	7:00	22/09	17:00	x	
48	Trạm 500kV Phú Lâm	173	20/09	9:25	20/09	16:54	x	
49	Trạm 220kV Cát Lái	171	20/09	8:15	20/09	20:07	x	
50	Trạm 500kV Phú Lâm	175	19/09	8:50	19/09	14:24	x	
51	Trạm 220kV Cần Đước	175	19/09	8:23	19/09	16:04	x	
52	Trạm 220kV Giá Rai	232	19/09	8:20	19/09	15:33	x	
53	Trạm 500kV Phú Lâm	C19	18/09	8:43	18/09	18:44	x	
54	Trạm 220kV Bình Hòa	180	18/09	8:30	18/09	16:00	x	
55	Trạm 220kV Rạch Giá	C12	18/09	8:00	18/09	16:40	x	
56	Trạm 220kV Vũng Tàu	231	18/09	7:40	18/09	18:27	x	
57	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	17/09	23:57	18/09	2:37	x	
58	Trạm 500kV Nhà Bè	565	17/09	7:01	22/09	18:00	x	
59	Trạm 500kV Sông Mây	562	16/09	9:45	16/09	13:12	x	
60	Trạm 220kV Thủ Đức	T102	16/09	7:50	16/09	11:30	x	
61	Trạm 220kV Ô Môn 2	283	16/09	7:00	18/09	18:00	x	
62	Trạm 220kV Long Bình	C19	15/09	10:40	21/09	23:55	x	
63	Trạm 220kV Bạc Liêu	C21	15/09	7:00	16/09	18:26	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
64	Trạm 500kV Phú Lâm	C53	15/09	4:30	15/09	8:30	x	
65	Trạm 500kV Phú Lâm	C54	15/09	1:26	23/09	19:24	x	
66	Trạm 500kV Phú Lâm	C55	15/09	1:26	15/09	4:10	x	
67	Trạm 500kV Cầu Bông	231	13/09	7:31	13/09	19:40	x	
68	Trạm 500kV Chơn Thành	KH501	13/09	6:30	17/09	20:14	x	
69	Trạm 500kV Ô Môn	530	12/09	6:00	13/09	18:00	x	
70	Trạm 500kV Nhà Bè	567	10/09	9:05	10/09	14:47	x	
71	Trạm 220kV Châu Đốc	132	10/09	8:25	11/09	13:30	x	
72	Trạm 500kV Mỹ Tho	212	10/09	7:07	10/09	14:10	x	
73	Trạm 220kV Cao Lãnh	T101	09/09	8:31	09/09	11:20	x	
74	Trạm 220kV Bạc Liêu	112	09/09	8:11	09/09	17:40	x	
75	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C22	09/09	7:00	09/09	23:00	x	
76	Trạm 500kV Phú Mỹ	575	09/09	7:00	09/09	21:21	x	
77	Trạm 220kV KCN Phú Mỹ 3	AT2	08/09	12:55	08/09	15:46	x	
78	Trạm 220kV KCN Phú Mỹ 3	131	08/09	8:16	08/09	12:55	x	
79	Trạm 500kV Nhà Bè	C51	08/09	7:40	08/09	14:09	x	
80	Trạm 500kV Chơn Thành	AT4	08/09	6:28	08/09	16:02	x	
81	Trạm 220kV Bàu Đồn	172	08/09	6:05	08/09	14:25	x	
82	Trạm 220kV Mỏ Cày	C21	07/09	8:00	07/09	12:00	x	
83	Trạm 220kV Long Thành	434	06/09	6:36	06/09	18:05	x	
84	Trạm 500kV Ô Môn	AT2	06/09	6:00	07/09	18:00	x	
85	Trạm 220kV Duyên Hải (Ngũ Lạc)	MBA AT1	05/09	8:40	05/09	16:55	x	
86	Trạm 220kV Sóc Trăng	AT1	05/09	8:19	05/09	17:56	x	
87	Trạm 220kV Trảng Bàng	AT1	05/09	7:33	05/09	13:41	x	
88	Trạm 220kV Châu Đốc	271	04/09	7:00	07/09	22:00	x	
89	Trạm 220kV Phước Long	C19	04/09	0:00	04/09	21:19	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	276 Bến Tre - 274 Mỏ Cày	11/09	8:30	11/09	14:59	x	
2	220kV Bình Long (272) - Dầu Tiếng (272)	30/09	7:36	30/09	16:36	x	
3	220kV Dầu Tiếng (273) - Tây Ninh (273)	20/09	15:25	20/09	17:44	x	
4	271 Thủ Đức - 274 Hiệp Bình Phước	20/09	12:22	20/09	15:54	x	
5	220kV Dầu Tiếng (271) - Tây Ninh (274)	20/09	6:25	20/09	12:40	x	
6	220kV Ô Môn 2 (276, 256) - Thốt Nốt (271)	20/09	5:56	20/09	19:42	x	

7	500kV Di Linh (573) - Tân Định (574)	19/09	6:40	19/09	15:56	x	
8	220kV Ô Môn 2 (276, 256) - Thốt Nốt (271)	19/09	6:10	19/09	16:30	x	
9	220kV Ô Môn 2 (276, 256) - Thốt Nốt (271)	18/09	5:17	18/09	16:29	x	
10	220kV Rạch Giá (272) - Ô Môn 2 (279, 259)	17/09	7:22	21/09	17:00	x	
11	220kV Ô Môn 2 (276, 256) - Thốt Nốt (271)	17/09	7:13	17/09	15:21	x	
12	271 KCN Phú Mỹ 3 - 276 Tân Thành	16/09	15:37	17/09	20:08	x	
13	220kV Bạc Liêu (273) - Sóc Trăng (271)	16/09	7:45	16/09	18:26	x	
14	278 Cầu Bông - 276 Đức Hòa	16/09	7:20	16/09	16:44	x	
15	572 Ô Môn - 582 TTĐL Long Phú	16/09	7:12	17/09	14:55	x	
16	277 Cầu Bông - 275 Đức Hòa	15/09	8:00	15/09	16:27	x	
17	272 Duyên Hải - 276 Duyên Hải (Ngũ Lạc)	13/09	10:00	13/09	17:14	x	
18	274 Cát Lái - 276 Thủ Đức	13/09	9:00	13/09	14:50	x	
19	277 Tân Uyên - 274 Thủ Đức	13/09	8:51	13/09	16:13	x	
20	571 Duyên Hải - 584 Mỹ Tho	13/09	8:44	13/09	17:27	x	
21	532, 562 Phú Mỹ - 280, 260 NMĐ Phú Mỹ 1	13/09	8:28	13/09	18:35	x	
22	276 Nhà Bè - 271 Quận 8	13/09	7:00	13/09	15:32	x	
23	220kV NMĐ Trị An (272) - Bình Hòa (276)	13/09	6:00	13/09	18:00	x	
24	272 NMĐ Nhơn Trạch - 274 Nhà Bè	12/09	16:01	12/09	18:06	x	
25	220kV Bạc Liêu (273) - Sóc Trăng (271)	12/09	7:54	12/09	18:22	x	
26	272 NMĐ Nhơn Trạch - 274 Nhà Bè	12/09	6:30	12/09	18:00	x	
27	220kV NMĐ Cà Mau (275,255) - Ô Môn (283,253)	08/09	5:59	28/09	18:00	x	
28	533, 531 NMNĐ Phú Mỹ 3 - 586, 566 Phú Mỹ	07/09	9:10	09/09	13:45	x	
29	573 NMNĐ Phú Mỹ 4 - 582, 562 Phú Mỹ	07/09	6:16	07/09	17:00	x	
30	500kV Mỹ Tho 500 (573) - Đức Hòa (573)	04/09	8:00	04/09	16:00	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
Lưới 500kV					
	Miền Bắc				
1	Trạm 500kV Lào Cai	8	8.00	528.2	
2	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	23	23.00	529.8	

3	Trạm 500kV Hiệp Hòa	2	2.00	525.3	
4	Trạm 500kV Đông Anh	1	1.00	525.7	
5	Trạm 500kV Thường Tín	2	2.00	527.6	
6	Trạm 500kV Quảng Ninh	2	2.00	525.8	
7	Trạm 500kV Thanh Hóa	238	238.00	536.1	
8	Trạm 500kV Hà Tĩnh	2	2.00	526.6	
9	Trạm 500kV Vũng Áng	3	3.00	525.5	
	Miền Nam				
1	Trạm 500kV Phú Lâm	12	12.00	528.5	
2	Trạm 500kV Nhà Bè	3	3.00	525.9	
3	Trạm 500kV Đức Hòa	7	7.00	528.3	
4	Trạm 500kV Mỹ Tho	3	3.00	526.4	
5	Trạm 500kV Ô Môn	9	10.00	527.3	
6	Trạm 500kV Phú Mỹ	3	3.00	527.1	
7	Trạm 500kV Long Phú	48	48.00	528.1	
8	Trạm 500kV Cầu Bông	2	2.00	527.1	
9	Trạm 500kV Chơn Thành	3	3.00	525.9	
Lưới 220kV					
	Miền Bắc				
1	Trạm 500kV Lào Cai	6	6.00	243.0	
2	Trạm 500kV Vĩnh Yên (220kV Bá Thiện)	15	15.00	243.8	
3	Trạm 220kV Phủ Lý	1	1.00	246.3	
	Miền Nam				
1	Trạm 500kV Long Phú	21	21.00	243.7	
2	Trạm 220kV Thốt Nốt	1	1.00	242.2	
3	Trạm 220kV Cà Mau	4	4.00	243.3	
4	Trạm 220kV Cần Thơ 2	2	2.00	242.5	
5	Trạm 220kV Kiên Bình	7	7.00	244.6	
6	Trạm 220kV Rạch Giá	3	3.00	243.3	
7	Trạm 220kV Sóc Trăng	7	7.00	242.5	

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được kWh)		Lũy kế năm 2026 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 09/2026	Tháng 08/2026		
1	EVNNPT	0	54733	721144	400117

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải tháng 09/2026 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2025:

1NPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04 1NPT\TRANTHEKHANH

Đơn vị		Tháng 9/2025			Tháng 9/2026			So sánh Δ^{26-25}				KH ΔA 2026 (%)	So sánh với KH2026
		A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	A (tỷ kWh)	A (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	11,95	0,36	3,01%	12,88	0,29	2,25%	0,93	7,81%	-0,070	-0,76%	2,17%	0,08%
	500kV	6,36	0,14	2,14%	6,65	0,12	1,80%	0,29	4,52%	-0,017	-0,34%	1,79%	0,01%
	220kV	12,83	0,22	1,74%	13,45	0,17	1,27%	0,62	4,85%	-0,053	-0,47%	1,26%	0,01%
TTĐ2	Chung	2,84	0,08	2,73%	3,32	0,07	2,19%	0,48	16,75%	-0,005	-0,54%	2,67%	-0,48%
	500kV	1,67	0,04	2,62%	2,06	0,05	2,21%	0,39	23,45%	0,002	-0,41%	2,64%	-0,43%
	220kV	1,89	0,03	1,80%	1,98	0,03	1,37%	0,08	4,47%	-0,007	-0,43%	1,67%	-0,30%
TTĐ3	Chung	6,73	0,17	2,45%	6,78	0,13	1,96%	0,05	0,74%	-0,032	-0,49%	1,93%	0,03%
	500kV	5,26	0,10	1,82%	5,09	0,07	1,44%	-0,17	-3,26%	-0,022	-0,38%	1,36%	0,08%
	220kV	3,89	0,07	1,78%	4,01	0,06	1,48%	0,12	3,00%	-0,010	-0,30%	1,59%	-0,11%
TTĐ4	Chung	9,33	0,10	1,07%	10,26	0,11	1,08%	0,93	9,98%	0,011	0,01%	1,06%	0,02%
	500kV	6,13	0,03	0,57%	6,24	0,03	0,54%	0,11	1,82%	-0,001	-0,03%	0,55%	-0,01%
	220kV	9,29	0,07	0,70%	10,22	0,08	0,76%	0,93	10,02%	0,012	0,06%	0,71%	0,05%
NPT	Chung	22,38	0,70	3,14%	24,53	0,61	2,47%	2,16	9,64%	-0,096	-0,67%	2,40%	0,07%
	500kV	12,19	0,31	2,55%	12,72	0,27	2,14%	0,53	4,34%	-0,038	-0,41%	1,98%	0,16%
	220kV	26,66	0,39	1,47%	28,28	0,33	1,18%	1,61	6,05%	-0,058	-0,29%	1,19%	-0,01%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 9/2026 không xảy ra lỗi kết nối tín hiệu SCADA, bằng với số lỗi kết nối so với tháng 8/2026.

- ***Miền Bắc:*** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.
- ***Miền Trung:*** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.
- ***Miền Nam:*** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	0	0	0
Miền Trung	0	0	0
Miền Nam	0	0	0
EVNNPT	**0**	**0**	**0**

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN http:quanlysuco.evn.com.vn

1NPT\TRANTHEKHANH(Trần Thế Khanh) 15/10/2026 16:04 1NPT\TRANTHEKHANH